SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Số: 712 /BVLVT-VTTBYT
V/v mời báo giá gói thầu số 1: vật tư tiêu hao thông thường thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao của Bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2024-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 11 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các Đơn vị cung cấp hàng hóa, trang thiết bị y tế

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 cuar Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2023/NQ-CP ngày 04/03/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Quyết định 4348/QĐ- SYT ngày 12/08/2021 của Sở Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Lê Văn Thịnh trực thuộc Sở Y tế.

Để có cơ sở tham khảo, xây dựng giá gói thầu số 1: vật tư tiêu hao thông thường thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế tiêu hao của Bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2024-2025. Bệnh viện Lê Văn Thịnh thông báo đến các đơn vị kinh doanh, phân phối, văn phòng đại diện của nhà sản xuất đối với các thiết bị y tế có tư cách hợp lệ và năng lực kinh nghiệm phù hợp khẩn trương gửi các thông tin, báo giá các danh mục vật tư y tế tiêu hao theo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- KS. Võ Đình Hiếu, sđt: 0938 666 679, chức vụ: Trưởng phòng VTTBYT

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng VTTBYT – Bệnh viện Lê Văn Thịnh – địa chỉ: số 130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

- Nhận qua email: *bv.levanthinh@tphcm.gov.vn* và *vdhieu.tpthuduc@tphcm.gov.vn*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 11 tháng 10 năm 2024 đến trước 16h30 ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế: Yêu cầu báo giá các mặt hàng trọn gói theo lô *(Danh mục hàng hóa đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Lê Văn Thịnh, địa chỉ: số 130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng Tây, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

2. Thời gian giao hàng dự kiến: 120 ngày.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Tạm ứng ≤ 30% giá trị hợp đồng, thanh toán từng đợt theo khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Các thông tin khác:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật, catolo sản phẩm liên quan đến thiết bị chào giá có đầy đủ thông tin tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại phụ lục 2 đính kèm (file cứng và file mềm).

- Các tài liệu liên quan chứng minh đủ năng lực cung cấp các thiết bị y tế hợp pháp theo quy định khi báo giá./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (H, b).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh

Thông tin Cty báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

Kính gửi: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

VẬT TƯ Y TẾ																
STT	STT theo thư mời chào giá	Tên hàng hóa	Mã vật tư theo quyết định 5086	Tên vật tư theo quyết định 5086	Mã ký hiệu, chủng loại	Thông số kỹ thuật, cấu hình	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (vnđ)	Số đăng ký lưu hành giấy phép nhập khẩu	Giấy phép lưu hành tự do	Ghi chú

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

SỞ Y TẾ TP.HCM
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 1: VẬT TƯ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG

(kèm theo công văn xin báo giá số 712 /BVLVT-VTTBYT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Lê Văn Thịnh)

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
Lô 1: Găn							
1	Găng tay dài sản khoa tiệt trùng các cỡ	Đôi	40,000	Sản xuất từ cao su thiên nhiên ly tâm để loại bỏ tạp chất. Dùng được cả hai tay, cổ tay se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám. Hấp được ở nhiệt độ cao. Bột chống dính bằng bột ngô biến tính đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ (USP). Chiều rộng: (XS: ≤ 82mm; S: 83 ± 5mm; M: 95 ± 5mm; L: 102 ± 6mm; XL: ≥ 110mm). Chiều dài: 280 ± 5mm. Độ dày vùng trơn nhẵn: 0,08mm, độ dày vùng nhám: 0,10mm. Hàm lượng bột: 80 ± 20mg.			
2	Găng tay khám cao su không bột	Đôi	700,000	Kích cỡ: XS, S, M, LChất liệu bằng latex tốt, dai , không bột;chiều dài găng 240mm, độ dầy ngón tay tối thiểu 0,08mm, độ dầy lòng bàn tay tối thiểu: 0,08mm, chiều rộng size S: 84 ± 3mm, M: 94 ± 3mm.Phù hợp với tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455 và ISO9001: 2008 và hệ thống tiêu chuẩn: TUV, CE, FDA, ISO 9001, TGA ...			
3	Găng tay khám cao su có bột	Đôi	700,000	Kích cỡ: XS, S, M, LChất liệu bằng latex tốt, dai, có bột;chiều dài găng 240mm, độ dầy ngón tay tối thiểu 0,08mm, độ dầy lòng bàn tay tối thiểu: 0,08mm, chiều rộng size S: 84 ± 3mm, M: 94 ± 3mm.Phù hợp với tiêu chuẩn ASTM D3578 và EN455 và ISO9001: 2008 và hệ thống tiêu chuẩn: TUV, CE, FDA, ISO 9001, TGA			
4	Găng tay PE vô khuẩn	Đôi	200,000	" - Chất liệu: LLDPE (Polyethylen mật độ thấp tuyến tính) + EVA (Ethylene Vinyl Acetate Copolymer), trong suốt. - Kích cỡ: Size S/M, hộp 100 cái - Độ dày khoảng 0,025mm đến 0,04mm. - Tính năng: thiết kế ngón tay thẳng, phù hợp cho người thuận tay trái hoặc tay phải, các các mép đảm bảo kín - Đóng gói tiệt trùng từng cái. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485:2016 hoặc tương đương			
Lô 2: Bông, băng, gạc, khẩu trang, mũ phẫu thuật							
5	Bông gòn viên 2x2 tiệt trùng (gói 500 gr)	Kg	300	-Bông viên y tế được làm từ 100% bông tự nhiên , tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide với đường kính ≥ 2cm, 3cm. Sản phẩm được dùng để làm sạch vết thương, thấm máu -Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương.			
6	Bông mỡ không thấm nước	Kg	300	-Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất -Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước -Đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm như ISO hoặc tương đương			
7	Bông gạc tẩm cồn Alcohol pad 5*6cm	Miếng	400,000	"- Gạc tẩm cồn dùng sát khuẩn ngoài da. - Chất liệu: Vải không dệt, cồn Isopropyl 70% - Kích thước: 5*6cm - Gạc tẩm cồn 4-6 lớp vô trùng nhỏ gọn tiện sử dụng, đóng gói từng miếng. - Giảm nhiễm khuẩn huyết liên quan đến tiêm truyền. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, TUV hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
8	Bông gạc tẩm cồn alcohol pad 8*10cm	Miếng	50,000	"- Gạc tẩm cồn dùng sát khuẩn ngoài da. - Chất liệu: Vải không dệt, cồn Isopropyl 70% - Kích thước: 8 x 10cm. - Gạc tẩm cồn 4-6 lớp vô trùng nhỏ gọn tiện sử dụng, đóng gói từng miếng. - Giảm nhiễm khuẩn huyết liên quan đến tiêm truyền. '- Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, TUV"			
9	Băng keo cá nhân	Miếng	100,000	"Băng keo cá nhân PE phủ keo arylic Kích thước: 72 mm x19 mm Kích thước gạc 23 mm x 12 mm Chất liệu Polyurethane, trọng lượng 58g Keo acrylic, trọng lượng keo 38 ± 2 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY/T0471.1-2004, YY/T0471.2-2004, YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 hoặc tương đương Chứng nhận ISO/CE và FDA hoặc tương đương			
10	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm	Miếng	100,000	Băng: Phim PE màu da có miếng gạc nhỏ Kích thước: 19 mm x 56 mm Keo Acrylate dùng cho y tế Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA			
11	Băng keo trong y tế	Miếng	1,000	Băng keo PE phủ keo Acrylic Kích thước: 2.5cmx9.14m Chất liệu: PE, tỉ trọng 60% -70% Keo acrylic, tỉ trọng 25% -35%, trọng lượng keo 38 ± 2 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO1993.10-2010 hoặc tương đương Chứng nhận: ISO/CE và FDA hoặc tương đương			
12	Băng keo lụa 2,5 cm x 9,1 m	Cuộn	15,000	Băng keo lụa phủ keo Acrylic Chất liệu: vải acetate Kích thước: 2.5cm x 9.14m Trọng lượng keo acrylic: 45g±2g/m2 Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 hoặc tương đương Chứng nhận: ISO/CE và FDA hoặc tương đương			
13	Băng keo lụa 2,5 cm x 5m	Cuộn	9,000	Băng keo lụa phủ keo Acrylic Chất liệu: vải acetate Kích thước: 2.5cm x 9.14m Trọng lượng keo acrylic: 45g±2g/m2 Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 hoặc tương đương Chứng nhận: ISO/CE và FDA hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
14	Băng keo giấy 2,5 cm x 9,1m	Cuộn	4,000	Băng keo giấy phủ keo Acrylic Kích thước: 2.5 cm x 9.14 m Màu trắng Chất liệu: vải không dệt, trọng lượng 34g±4g Keo acrylic, trọng lượng keo: 37 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO1993.10-2010, YY/T0471.2-2004 Chứng nhận: ISO/CE và FDA hoặc tương đương			
15	Băng keo nhựa 2,5 cm x 9,1 m	Cuộn	1,000	Băng keo PE phủ keo Acrylic Kích thước: 2.5cmx9.14m Chất liệu: PE, ti trọng 60% -70% Keo acrylic, ti trọng 25% -35%, trọng lượng keo 38 ± 2 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO1993.10-2010 Chứng nhận: ISO/CE và FDA hoặc tương đương			
16	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 6 x 7 (cm)	Miếng	9,000	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 6 cm x7 cm -Độ bền bong tróc của bề mặt cao su phải ≥1,0N/cm. -Băng phải được vô trùng sau khi khử trùng bằng chiếu xạ coban-60. -Tính thấm: Độ truyền hơi nước phải ≥500g/m²*24h -Độ dính: Độ trượt trên cùng bề mặt dính không được lớn hơn 1mm Tiêu chuẩn ISO,CE, FDA hoặc tương đương			
17	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 53 x 80 (mm)/50's	Miếng	2,000	Băng trong phủ keo Acrylic Chất liệu: 100% polyurethane, vải không dệt 50 g/m² Trọng lượng keo:acrylic 20 ±2g/m2 Kích thước 7.5 cm x 7.5 cm Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY/T0471.1-2004, YY/T0471.2-2004, YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 hoặc tương đương Chứng nhận ISO13485/CE và FDA hoặc tương đương			
18	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 10 x 12 (cm)	Miếng	4,000	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 12cm x 10 cm -Độ bền bong tróc của bề mặt cao su phải ≥1,0N/cm. -Băng phải được vô trùng sau khi khử trùng bằng chiếu xạ coban-60. -Tính thấm: Độ truyền hơi nước phải ≥500g/m²*24h -Độ dính: Độ trượt trên cùng bề mặt dính không được lớn hơn 1mm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA hoặc tương đương			
19	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 120 mm x 90mm	Miếng	3,000	Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 12cm x 10 cm -Độ bền bong tróc của bề mặt cao su phải ≥1,0N/cm. -Băng phải được vô trùng sau khi khử trùng bằng chiếu xạ coban-60. -Tính thấm: Độ truyền hơi nước phải ≥500g/m²*24h -Độ dính: Độ trượt trên cùng bề mặt dính không được lớn hơn 1mm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
20	Băng y tế vô trùng trong suốt có gel chlohexidine	Miếng	5,000	Băng bao gồm 1 lớp băng dính trong suốt và một miếng gel tích hợp chứa 2% chlorhexidine gluconate, dùng để che phủ và bảo vệ các vị trí đặt ống thông. Thành phần: Gel kháng khuẩn Chlorhexidine Gluconate (CHG), Film Polyurethane, keo acrylate, vải không dệt. - Gel Chlorhexidine 2% trong suốt kết hợp trong cùng một miếng băng, có tính kháng khuẩn và kháng nấm phổ rộng, có khả năng thấm hút máu và dịch tiết. - Lớp màng Polyurethane trong suốt ngăn nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính lớn hơn 27nm, dễ dàng quan sát vùng cố định ống thông - Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. - Viền vải xung quanh giúp cố định chắc chắn hơn, hạn chế tuyệt đối tình trạng trượt hay xê dịch đầu ống thông - Thời gian lưu băng trung bình 7 ngày - PH 6.6 -6.7 - Có viền vải ghi được ngày tháng sử dụng băng dính - Kích thước chung: 10cmx12cm (Kích thước gel pad: 3cmx4cm) - Tiệt trùng và đóng gói từng miếng - Tiêu chuẩn: ISO13485/ FDA			
21	Băng phim dính y tế	Miếng	5,000	Miếng dán có rãnh xẻ Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65% Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate : 3 - 30% KT: 6 cm x7 cm -Độ bền bong tróc của bề mặt cao su phải ≥1,0N/cm. -Băng phải được vô trùng sau khi khử trùng bằng chiếu xạ coban-60. -Tính thấm: Độ truyền hơi nước phải ≥500g/m²*24h -Độ dính: Độ trượt trên cùng bề mặt dính không được lớn hơn 1mm Tiêu chuẩn ISO,CE, FDA			
22	Băng keo lụa 2,5cm x 5m (không hộp)	Miếng	15,000	Băng keo lụa phủ keo Acrylic Chất liệu: vải acetate Kích thước: 2.5cm x 9.14m Trọng lượng keo acrylic: 45g±2g/m2 Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 Chứng nhận: ISO/CE và FDA			
23	Băng dán có gạc vô trùng 200mm x 90mm	Miếng	500	Chất liệu: vải không dệt Kích thước: 9 cm x 25cm Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA			
24	Băng dán có gạc vô trùng 150mm x 90mm	Miếng	1,000	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m2, 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43 ± 3g/m2 : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh, pH trung tính, trọng lượng 200 ± 10% g/m2: Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút : ≥ 680% - Giấy lót phủ silicone 62 ± 5g/m2 - Tiệt trùng bằng EO. - Chứng nhận Q5 095972 0010 - TUV			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
25	Băng dán có gạc vô trùng 50mm x 70mm	Miếng	11,000	Film Polyurethan có độ đàn hồi cao Lớp gạc vô trùng Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Kích thước 6 cm x 7 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA			
26	Băng dán có gạc vô trùng 53mm x 70mm	Miếng	1,000	Film Polyurethan có độ đàn hồi cao Lớp gạc vô trùng Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Kích thước 6 cm x 7 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA			
27	Băng dán cuộn co giản 10cm x 10m	Cuộn	9,000	Băng keo cuộn kích thước 10cm x 10m, thành phần chính gồm: Lớp nền: Vải không dệt, 50g/m2 Lớp keo: Keo Acrylate Lớp giấy dán : giấy Glassine, 80g/m2. - Khối lượng keo: 40±2g /m2 - Lực kéo : ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo: ≤2.5mm sau 30 phút			
28	Băng thun 3 móc 10cm x 4.5m	Cuộn	4,000	- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m2 - Kích thướt : Khi chưa kéo giãn 180 – 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn ≥ 200%, - Kiểm tra vi sinh: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Chứng nhận MD 92825 - BSI.			
29	Băng thun 2 móc 7.5cm x 4.5m	Cuộn	4,000	"- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m2 - Kích thướt : Khi chưa kéo giãn 180 – 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn ≥ 200%, - Kiểm tra vi sinh: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Chứng nhận MD 92825 - BSI."			
30	Băng keo thun co giãn 10cm x 4.5m	Cuộn	200	Băng thun vải không dệt co giãn tự dính Kích thước: 10cm x 4.5m Màu da Chất liệu: polypropylene, trọng lượng 30 ± 2 g/m² Keo tự nhiên, trọng lượng keo: 30-40 g/m² Độ bám dính: 1.0 -2.0N/25mm Độ đàn hồi: 1:1.8 – 1:2.3 Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO1993.10-2010 Chứng nhận: ISO/CE và FDA			
31	Băng thun 2 móc (7,5cm x 4,5m)	Cuộn	500	"- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m2 - Kích thướt : Khi chưa kéo giãn 180 – 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn ≥ 200%, - Kiểm tra vi sinh: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Chứng nhận MD 92825 - BSI."			
32	Băng thun 3 móc (10cm x 4,5m)	Cuộn	500	- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m2 - Kích thướt : Khi chưa kéo giãn 180 – 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn ≥ 200%, - Kiểm tra vi sinh: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g. Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g. - Chứng nhận MD 92825 - BSI.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
33	Miếng dán có CHG 45mg, kích thước 10 x 12 (cm)	Miếng	100	Băng bao gồm 1 lớp băng dính trong suốt và một miếng gel tích hợp chứa 2% chlorhexidine gluconate, dùng để che phủ và bảo vệ các vị trí đặt ống thông. Thành phần: Gel kháng khuẩn Chlorhexidine Gluconate (CHG), Film Polyurethane, keo acrylate, vải không dệt. - Gel Chlorhexidine 2% trong suốt kết hợp trong cùng một miếng băng, có tính kháng khuẩn và kháng nấm phổ rộng, có khả năng thấm hút máu và dịch tiết. - Lớp màng Polyurethane trong suốt ngăn nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính lớn hơn 27nm, dễ dàng quan sát vùng cố định ống thông - Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. - Viền vải xung quanh giúp cố định chắc chắn hơn, hạn chế tuyệt đối tình trạng trượt hay xê dịch đầu ống thông - Thời gian lưu băng trung bình 7 ngày - PH 6.6 -6.7 - Có viền vải ghi được ngày tháng sử dụng băng dính - Kích thước chung: 10cmx12cm (Kích thước gel pad: 3cmx4cm) - Tiệt trùng và đóng gói từng miếng - Tiêu chuẩn: ISO13485/ FDA			
34	Màng phẫu thuật y tế tẩm iod vô trùng 40x45cm	Miếng	500	* Màng mổ tẩm iod vô trùng * Màng film polyurethane phủ Iodophor kháng khuẩn, ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. * Kích thước màng: 40cm x 45cm * Kích thước băng dính:35 cm x 45cm *Thành phần iod ≥1% *Độ truyền hơi nước phải ≥500g/m²*24h. Thành phần *Polyurethane:22,4% *Acrylic acid :20,2% *Paper:32% *Pe:25,4% *Tiêu chuẩn ISO/CE và FDA * Đóng gói ép chân không vô trùng từng miếng,tiệt khuẩn bằng khí EO * Sau phẫu thuật, lấy màng mổ ra khỏi vùng da bệnh nhân một cách dễ dàng			
35	Băng keo có gạc vô trùng 6 x 8 (cm)	Miếng	200	Băng vải không dệt mềm mại, phủ keo Acrylic không gây kích ứng da. Thiết kế hình chữ U Kích thước: 6cm x 8cm Kích thước miếng gạc 2.3 cm x 3.2 cm Chất liệu: vải không dệt, tỉ trọng 25% -35% Keo acrylic, tỉ trọng 15% -25%, trọng lượng keo 35 ± 2 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤ 2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY/T0471.1-2004, YY/T0471.2-2004, YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 Chứng nhận ISO/CE và FDA hoặc tương đương			
36	Băng keo có gạc vô trùng 70mm	Miếng	200	Film Polyurethan có độ đàn hồi cao Lớp gạc vô trùng Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Kích thước 6 cm x 7 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA			
37	Băng keo có gạc vô trùng 9 x 15 (cm)	Miếng	100	Kích thước băng: 9 x 15cm; kích thước gạc: 4.5 x 9.6cm, màu trắng, không mùi; nền không đan dệt bằng 100% polyester , keo acrylic ít dị ứng			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
38	Băng keo có gạc vô trùng 150 x 90 (mm)	Miếng	500	Kích thước băng: 9 x 15cm; kích thước gạc: 4.5 x 9.6cm, màu trắng, không mùi; nền không dan dệt bằng 100% polyester , keo acrylic ít dị ứng			
39	Băng keo có gạc vô trùng 9cm x 20cm	Miếng	2,000	Chất liệu: vải không dệt Kích thước: 9 cm x 25cm Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA hoặc tương đương			
40	Băng thun cotton có keo 10cm x 4,5m	Cuộn	100	"-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc ≥ 90%, chiều dài khi chưa kéo giãn 230 ± 20cm, khi kéo giãn 448.5cm ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m2, , lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc - TYMC ≤10 cfu/g. Theo Dược điển Châu Âu /ISO 11737-1 - Chứng nhận MD 92825 - BSI."			
41	Băng thun cotton có keo 8cm x 4,5m	Cuộn	100	"-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc ≥ 90%, chiều dài khi chưa kéo giãn 230 ± 20cm, khi kéo giãn 448.5cm ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m2, , lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc - TYMC ≤10 cfu/g. Theo Dược điển Châu Âu /ISO 11737-1 - Chứng nhận MD 92825 - BSI."			
42	Băng keo y tế từ (5-7,5cm) x 5m	Cuộn	100	Băng dính vải không dệt Giấy lót phủ keo Acrylate KT: 5cm*9.14m Tiêu chuẩn ISO/CE và FDA			
43	Băng dán cuộn 10cm x 10m	Cuộn	1,000	Băng keo cuộn kích thước 10cm x 10m, thành phần chính gồm: Lớp nền: Vải không dệt, 50g/m2 Lớp keo: Keo Acrylat Lớp giấy dán : giấy Glassine, 80g/m2. - Khối lượng keo: 40±2g /m2 - Lực kéo : ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo: ≤2.5mm sau 30 phút			
44	Băng bó bột (10cm x 350cm)	Cuộn	5,000	"- Cấu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trọng lượng bột: 440-585 g/m². Thời gian đông kết nhanh: 105-135 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm - Ưu điểm: Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
45	Băng bó bột (15cm x 350cm)	Cuộn	5,000	"- Cấu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trọng lượng bột: 440-585 g/m². Thời gian đông kết nhanh: 105-135 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm - Ưu điểm: Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - TCCL:ISO 13485 hoặc tương đương			
46	Băng bó bột (20cm x 350cm)	Cuộn	3,000	"- Cấu tạo: Gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao hơn 97% thạch cao nguyên chất và được cuộn trên một lõi tròn. Trọng lượng bột: 440-585 g/m². Thời gian đông kết nhanh: 105-135 giây. Mức độ hấp thụ nước: 23-40%. Mức độ chịu lực tác động sau thời gian 30 phút: 5-11 Kg/dm. Mức độ chịu lực sau khi khô hoàn toàn: 9-19 Kg/dm - Ưu điểm: Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - TCCL:ISO 13485 hoặc tương đương			
47	Băng bó bột sợi thủy tinh (7,5cm x 3,6m)	Cuộn	3,000	Chất liệu sợi thủy tinh, kích thước 7,5cm x 3,6m, cản quang thấp và nhẹ hơn bột thạch cao. Thời gian đông kết <=5 phút, đông kết hoàn toàn <= 20 phút. Nhiệt độ đông kết <=45 độ C. Cường độ chịu nén sau 10 phút > 16 kgf			
48	Băng bó bột sợi thủy tinh (10cm x 3,6m)	Cuộn	3,000	Chất liệu sợi thủy tinh, kích thước 10cm x 3,6m, cản quang thấp và nhẹ hơn bột thạch cao. Thời gian đông kết <=5 phút, đông kết hoàn toàn <= 20 phút. Nhiệt độ đông kết <=45 độ C. Cường độ chịu nén sau 10 phút > 22 kgf			
49	Băng bó bột sợi thủy tinh (12,5cm x 3,6m)	Cuộn	3,000	Chất liệu sợi thủy tinh, kích thước 12,5cm x 3,6m, cản quang thấp và nhẹ hơn bột thạch cao. Thời gian đông kết <=5 phút, đông kết hoàn toàn <= 20 phút. Nhiệt độ đông kết <=45 độ C. Cường độ chịu nén sau 10 phút > 28 kgf			
50	Gạc meche 3,5cm x 75cm x 8 lớp, cản quang tiệt trùng	Cái	10,000	-Gạc hút nước được dệt từ sợi 100% cotton, Dùng thấm máu, chèn nội tạng và có sợi cản quang tiệt trùng -Kích thước: ≥ 3.5cm x 75cm x 8 lớp			
51	Gạc 10cm x 10cm x 8 lớp tiệt trùng	Miếng	900,000	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Chứng nhận FDA			
52	Gạc 30cm x 40cm x 6 lớp tiệt trùng, có cản quang	Cái	80,000	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Chứng nhận FDA			
53	Khẩu trang y tế	Cái	300,000	Lớp 1: Vải không dệt PPSB-100% PP màu theo yêu cầu khách hàng; Lớp 2: Lớp vải không dệt 1S trắng hoặc màu lót; Lớp 3: Vải không dệt vi lọc đạt lọc khuẩn BFE 99; Lớp 4: Vải không dệt mịn màng 3S hoặc SMS; Dây thun dệt sợi Spandex và Pet; Nẹp mũi định hình-nhựa bọc kẽm			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
54	Mũ phẫu thuật tiệt trùng	Cái	90,000	Chất liệu: vải PP 100% định lượng 14-20gsm ,Kích thước :53 cm hình tròn, dây thun 2 sợi cao su có độ co giãn tốt ôm khít, không rớt tóc phần đầu người đeo tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng Đóng gói từng cái và tiệt trùng			
55	Keo dán da sinh học	Miếng	200	Keo sinh học N - butyl - 2 - cyano acrylat, màu xanh tím. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
Lô 3: Khăn, áo phẫu thuật							
56	Bộ khăn tổng quát	Bộ	100	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát - Bao gồm: 4x Khăn thấm 30x40cm 1x Băng keo cố định các ống dây 10x50cm 1x Khăn phủ chân 210x210cm 1x Khăn phủ đầu 165x250cm 2x Khăn phủ bên 80x90cm 1x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm 1x Khăn trải bàn Mayo 60x100cm - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Kích thước sai số cho phép ± 5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			
57	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát	Bộ	500	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 8 x khăn thấm 30x40cm, 2 x Băng keo cố định ống dây 10 x 50cm, 1 x Bao phủ chi 35 x 115cm, 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 160cm, 1 x Khăn tiếp cận 90 x 100cm, 1 x Khăn U không thấm có rãnh 165 x 240cm, 1 x Khăn U thấm có rãnh 240 x 310cm, 1 x Khăn đa dụng có băng keo (Khăn phủ ngang) 165 x 240cm, 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200cm. - Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019 hoặc tương đương. Tiệt trùng EO.			
58	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai	Bộ	50	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm, 1 x Khăn U plastic 160x230cm: Rãnh hình chữ 'U' 12 x 75 cm có dán băng keo y tế, 1 x Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch A 160x230: Có túi chứa dịch lỏng với ống nối, 1 x Băng keo OP 10x50cm, 1 x Bao chi trên 23x60cm, chất liệu vải bán thấm thiết kế chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài, 2 x Khăn thấm 30x40cm. Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, EN 13795-1:2019 hoặc tương đương. Tiệt trùng EO.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
59	Bộ khăn nội soi khớp gối	Bộ	900	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp gối bao gồm: 4x Khăn thấm 30x40cm 1x Băng keo cố định các ống dây 10x50cm 1x Bao phủ chi 23x80cm 1x Khăn nội soi khớp gối 240x300cm 1x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Kích thước sai số cho phép ± 5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			
60	Bộ khăn sinh thường	Bộ	500	- Bộ khăn sinh thường bao gồm: 1x khăn trải bàn dụng cụ (125cm x 145cm) ±5cm 1x khăn em bé (105cm x 125cm) ±5cm mềm mại, thấm hút 1x khăn trải bàn sanh (155cm x 215cm) ±5cm phía trên gấp bọc đầu sâu 42cm ±2cm, đường keo ép bọc đầu theo chiều dọc cách biên vải 22cm ±2cm, ở giữa có dán tấm lót lưng (85cm x 85cm) ±5cm thấm hút, nối tiếp là phễu thu dịch được đính vào cách cạnh dưới của khăn 32cm ±2cm. 3x khăn đa dụng (85cm x 85cm) ±5cm, thấm hút 2x bao phủ chi (35cm x 45cm x105cm) ±5cm, có dây rút ở cạnh 45cm ±5cm ở cạnh 40cm 2x khăn thấm (40cm x 50cm) ±5cm 2x tạp dề (95cm x 150cm) ±5cm có khoét cổ hình Elip, đường kính ngang 30cm ±2cm, đường kính trước sau 16cm ±1cm, bèo cô 15cm ±1cm, có dây buộc ngang thắt lưng. 1x túi đo máu sau sinh có hình phễu (85cm x 115cm) ±5cm có vạch chia nhỏ đến từng nấc 50ml - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Kích thước sai số cho phép ± 5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			
61	Bộ khăn sinh mổ	Bộ	200	Bộ khăn phẫu thuật lấy thai có túi thu dịch và màng phẫu thuật bao gồm: 1x Khăn phủ bàn dụng cụ 165 x 200cm 1x Khăn sanh mổ, có màng phẫu thuật toàn vùng phẫu trường, có túi chứa dịch, có dập nút xả dịch, có gia cố vùng thấm 200 x 340cm 1x Khăn phủ bàn dụng cụ 120 x 140cm 10x khăn thấm 40 x 57cm 1x Khăn đa dụng 98 x 120cm 2x Khăn thấm lau em bé 90 x 120cm 1x Áo phẫu thuật M, có bo thun tay bằng cotton, các đường may cánh tay được dập bằng sóng siêu âm 120(L) x 137(W) 2x Áo phẫu thuật L, có bo thun tay bằng cotton, các đường may cánh tay được dập bằng sóng siêu âm 132(L) x 152(W) 4x Gạc tam giác 2x Băng keo OP 5 x 50cm 2x Kẹp rốn 10x Gạc cotton 16 lớp 10 x 10cm - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp SMMMS 43 - 50 gsm, chống thấm đạt tiêu chuẩn AAMI mức 3 - Kích thước sai số cho phép ± 5% - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
62	Bộ khăn phẫu thuật sọ não	Bộ	100	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm, 1 x Khăn đa dụng 70x160cm, 2 x Khăn thấm 30x40cm, 4 x Khăn có keo 60x90cm, 1 x Băng keo cố định các ống dây 10x50cm, 1 x Khăn phẫu thuật hộp sọ 250x300cm có lỗ 20x25cm với màng phẫu thuật có túi chứa dịch. - Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, EN 13795-1:2019 hoặc tương đương. Tiệt trùng EO.			
63	Bộ khăn nội soi ổ bụng	Bộ	50	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Khăn trải bàn Mayo 60x100cm, 5 x Khăn đa dụng có keo 34x55cm, 1 x Khăn phẫu thuật nội soi ổ bụng 174x300cm, 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm. - Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019 hoặc tương đương. Tiệt trùng EO.			
64	Khăn phẫu thuật mắt Phaco	Bộ	200	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thâm côn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 1 x Khăn phẫu thuật mắt 100x100cm, có lỗ phi 7, có màng phẫu thuật, có xẻ rãnh và túi thu dịch, 1 x Băng che mắt có gạc hình oval 1 x Khăn gói 60x60cm. Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019 hoặc tương đương			
65	Áo phẫu thuật các cỡ	Cái	1,000	Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 43gsm trở lên không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 2 x Khăn thấm 30x40cm, 1 x Áo phẫu thuật L, 1 x Vải gói. Tiệt trùng bằng khí EO. - Sản phẩm có giấy phép lưu hành, được sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, CE, EN 13795-1:2019 hoặc tương đương			
Lô 4: Bơm kim tiêm thường							
66	Bơm tiêm 1ml	Cái	200,000	"- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoang chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2"". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
67	Bơm tiêm 3 ml	Cái	500,000	"- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1"", 25Gx1"". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			
68	Bơm tiêm 5 ml	Cái	500,000	"- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1"", 25Gx1"". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			
69	Bơm tiêm 10 ml	Cái	500,000	"- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1"", 25Gx1"". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
70	Bơm tiêm 20 ml	Cái	200,000	"- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Bề mặt gioăng phăng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1"". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được găn chặt với thân kim không gãy rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			
71	Bơm tiêm 50 ml (đầu nhỏ)	Cái	50,000	"- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			
72	Bơm cho ăn 50ml	Cái	50,000	"- Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xylanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng băng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			
Lô 5: Bơm insulin	Kim tiêm các số (100 cái/hộp)	Hộp	500,000	Kim các số G18, G20, G23, Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE			
73	Bơm tiêm insulin 1ml	Cái	250,000	"- 100 UI '- Kim vát 3 mặt - Đường kính nhỏ 30G, đầu kim phủ silicone - Chiều dài kim ngắn 5/16"" (8mm) với đường kính lòng kim lớn. -Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, không khoảng chết - Đóng gói phù hợp mục đích chuyên môn 0.5ml riêng lẻ từng cái. - TCCL: ISO 13485, CE Châu Âu, CFG Pháp, FDA, thuộc nhóm G7"			
Lô 6: Que thử đường huyết							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
74	Que thử đường huyết + kim	Que	100,000	Cho kết quả đúng theo protocol của ISO 15197:2013 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 99,3% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10% với Pp chuẩn ở nồng độ ≥100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L - Dùng được cho cơ sở y tế - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay - Thời gian đo <4 giây - Mẫu máu đo 0,6µL - Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose. Kim lấy máu Accu-Chek Softclix -Đường kính kim nhỏ: 0.4mm - 28G -Đầu kim bằng thép không gỉ được được vát 3 mặt cắt và phủ Silicon giúp đâm qua da một cách nhẹ nhàng -Công nghệ Clixmotion giúp lấy máu hầu như không đau. -Dùng với bút lấy máu với 11 mức cài đặt độ sâu đâm kim, giúp dễ dàng tùy chỉnh theo độ dày mỏng của da. -Được tiệt trùng với bức xạ Gamma theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11138			
Lô 7: Dây nối, dây truyền dịch							
75	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Sợi	1,000	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≤0.9mm, đường kính ngoài ≤1.9mm, có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.			
76	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Cái	9,000	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong ≤0.9mm, đường kính ngoài ≤1.9mm, có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.			
77	Dây truyền dịch	Cái	150,000	"Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1"". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4: 2008 hoặc tương đương			
78	Bộ dây truyền dịch an toàn	Bộ	40,000	"Dây truyền dịch dùng trong liệu pháp tiêm truyền cho người bệnh - Chất liệu: PVC, không chứa DEHP - Chiều dài dây: ≥ 185cm, đường kính trong khoảng 3mm, đường kính ngoài khoảng 4mm, đầu nối dạng khóa xoắn vặn - Bầu đếm giọt có 2 ngăn cứng - mềm, màng lọc dịch khoảng 8µm, van thông khí có màng lọc vi khuẩn - Có chức năng tự động: đuổi khí, ngưng truyền tự động khi hết dịch - Tương thích với đầu nối catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ dịch - Có bộ phận điều chỉnh giọt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA/CE"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
79	Dây truyền máu	Sợi	5,000	"Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Dây dài ≥1500mm hoặc điều chỉnh theo yêu cầu, làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml"			
80	Dây cho ăn các số	Cái	4,000	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
81	Dây hút đàm	Cái	3,000	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu dễ phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp.			
82	Dây hút dịch phẫu thuật tiệt trùng	Cái	4,000	"Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
83	Ống, dẩy hút đàm (dịch) có kiểm soát	Cái	5,000	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu dễ phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.			
84	Dây hút dịch phẫu thuật tiệt trùng	Cái	10,000	"Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
85	Bộ dây hút dịch MPV 14Fr có nắp đậy	Cái	40,000	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu dễ phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
86	Túi nước tiểu có khóa có dây kéo	Cái	9,000	"- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
87	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	500	"Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh loại xả Màu da, có khóa mỗi túi Dung tích 550 ml Đế dán túi bằng hydrocolloid, đường kính vòng cắt tối thiểu 15 mm, tối đa 70 mm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA hoặc tương đương			
88	Ống cho ăn các số	Cái	5,000	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
Lô 8: Vật tư y tế thông thường khác							
89	Mỏ vịt	Cái	9,000	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV) hoặc tương đương			
90	Bao cao su	Cái	9,000	-Thành phần: Cao su tự nhiên hoặc tương đương -Kích thước: ≥ (49-52)mm -Bao cao su có chứa chất bôi trơn nhẹ, dùng để bọc đầu dò siêu âm -Đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương			
91	Bộ rửa dạ dày	Bộ	500	-Chất liệu: Cao su tự nhiên hoặc tương đương -Dùng để thông rửa dạ dày -Đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương			
92	Hộp đựng vật sắc nhọn 1.5l	Hộp	2,000	-Kích thước: ≥ 95 x 95 x 190 mm -Làm từ nhựa PP nguyên sinh hoặc tương đương. Thành và đáy cứng không thấm nước, không thể đâm thủng, bề mặt trong hộp nhẵn dễ dàng vệ sinh làm sạch. -Hộp có quai treo, nắp đậy kín dễ dàng đóng mở, miệng đủ lớn để cho chất thải sắc nhọn vào mà không cần lực đẩy, khi di chuyển chất thải không bị đổ ra ngoài.			
93	Tạp dề 80 x 120	Cái	4,000	-Chất liệu bằng nylon PE hoặc tương đương -Kích thước: ≥ (80*120cm). -Sử dụng 1 lần			
94	Vòng đeo tay người lớn (màu hồng)	Cái	5,000	-Dài ≥ 25,4cm, có nhiều lỗ để gắn nút gài -Vùng in: vùng màu trắng để in thông tin ≥ (9,5x2.8)cm -Chất liệu: Nano silicone hoặc tương đương, mềm dẻo không gây tổn thương da, chống nước, chống vi khuẩn và không gây dị ứng -Đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm như ISO hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
95	Vòng đeo tay người lớn (màu xanh dương)	Cái	5,000	-Dài ≥ 25,4cm, có nhiều lỗ để gắn nút gài -Vùng in: vùng màu trắng để in thông tin ≥ (9,5x2.8)cm -Chất liệu: Nano silicone hoặc tương đương, mềm dẻo không gây tổn thương da, chống nước, chống vi khuẩn và không gây dị ứng -Đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm như ISO hoặc tương đương			
96	Vòng đeo tay trẻ em (màu xanh dương)	Cái	1,000	-Dài ≥ 25,4cm, có nhiều lỗ để gắn nút gài -Vùng in: vùng màu trắng để in thông tin ≥ (9,5x2.8)cm -Chất liệu: Nano silicone hoặc tương đương, mềm dẻo không gây tổn thương da, chống nước, chống vi khuẩn và không gây dị ứng -Đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm như ISO hoặc tương đương			
97	Cồn 70 độ	Lít	200	Thành phần: Ethanol y tế, nồng độ 70 độ			
98	Cồn 90 độ	Lít	200	Thành phần: Ethanol y tế, nồng độ 90 độ			
99	Cồn 96 độ	Lít	200	Thành phần: Ethanol y tế. nồng độ 96 độ			
100	Dao mổ 20	Cái	800	-Thành phần: Thép carbon (Carbon Steel) hoặc thép không gỉ (Stainless Steel) hoặc tương đương -Lưỡi dao sắc bén, không rỉ sét, phục vụ cho mục đích thực hiện được đường rạch dài hay ngắn, nông hay sâu. -Lưỡi dao phải được khử trùng và bọc từng chiếc. -Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc tương đương			
101	Vôi soda	Can	200	-Thành phần: Hỗ hợp của NaOH và CaO -Dung tích: Chai hoặc lọ ≥ 500g			
102	Gel siêu âm	Tube	500	Gel dùng cho các máy siêu âm			
Lô 9: Vật tư tiêu hao dùng trong gây mê gây tê							
103	Catheter TMTT 3 đường 7Fr x 15cm; 7Fr x 20cm	Cái	300	" - Size: 7Fr/18G(P)/16G(D)/18G(M), 20cm. Nong dẫn đường kính 0,89mm, dài 50cm. - Kỹ thuật Seldinger. - Chất liệu: Polyurethane mềm, có công thức đặc biệt. Độ tương thích sinh học cao. - Đường cản quang rõ nét, đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí đặt catheter chính xác - Kim luồn chữ Y có van - Nong dẫn chữ J - Khóa ba ngã ngăn dịch - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương			
104	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng (CVC)	Bộ	3,000	" - Size: 7Fr/18G(P)/16G(D)/18G(M), 20cm. Nong dẫn đường kính 0,89mm, dài 50cm. - Kỹ thuật Seldinger. - Chất liệu: Polyurethane mềm, có công thức đặc biệt. Độ tương thích sinh học cao. - Đường cản quang rõ nét, đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí đặt catheter chính xác - Kim luồn chữ Y có van - Nong dẫn chữ J - Khóa ba ngã ngăn dịch - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương			
Lô 10: Kim luồn an toàn tĩnh mạch các loại							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
105	Kim luồn tĩnh mạch 18G	Cây	50,000	"Kim luồn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa. _Catheter chất liệu bằng Polyurethane (PUR), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 18G: kích thước 1.2mm * 45mm, tốc độ 100ml phút, màu xanh lá _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)"			
106	Kim luồn tĩnh mạch 20G	Cây	100,000	"Kim luồn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa. _Catheter chất liệu bằng Polyurethane (PUR), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 20G: kích thước 1.0mm * 32mm, tốc độ 64ml/ phút, màu hồng _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)"			
107	Kim luồn tĩnh mạch 22G	Cây	250,000	"Kim luồn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa. _Catheter chất liệu bằng Polyurethane (PUR), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 22G: kích thước 0.8mm * 25mm, tốc độ 38ml/ phút, màu xanh dương _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)"			
108	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Cây	50,000	"Kim luồn mạch máu an toàn, cánh nhỏ, không cổng, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa - có bộ phận giữ cánh đa năng, khi luồn kim cánh được khép lại thuận tiện cho việc thao tác, khi cố định cánh được bung ra thành đế giữ catheter. - Có cảnh báo máu sớm (Cây 24G), có lỗ trên thân kim _Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 24G: kích thước 0.7mm * 19mm, tốc độ 22ml/ phút _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
109	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không cổng 24G	Cây	50,000	"Kim luồn mạch máu an toàn, cánh nhỏ, không cổng, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa - có bộ phận giữ cánh đa năng, khi luồn kim cánh được khép lại thuận tiện cho việc thao tác, khi cố định cánh được bung ra thành đế giữ catheter. - Có cảnh báo máu sớm (Cây 24G), có lỗ trên thân kim _Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 24G: kích thước 0.7mm * 19mm, tốc độ 22ml/ phút _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)"			
110	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không cổng 26G	Cây	2,000	"Kim luồn mạch máu an toàn, cánh nhỏ, không cổng, các cỡ - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa - có bộ phận giữ cánh đa năng, khi luồn kim cánh được khép lại thuận tiện cho việc thao tác, khi cố định cánh được bung ra thành đế giữ catheter. - Có cảnh báo máu sớm (Cây 24G), có lỗ trên thân kim _Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cản quang _Kích cỡ: Kim 26G: kích thước 0.6mm * 19mm, tốc độ 15ml/ phút _Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO - Áp lực 305 psi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)"			
111	Đầu nối an toàn không kim, thể tích đuổi khí 0,11 ml	Cái	100	"Đầu nối không kim áp lực trung tính giúp giảm rủi ro trào ngược trên catheter với thể tích trào ngược: -0.004ml. Thể tích mồi ≤ 0,049ml. Kích thước ≤ 2.8cm, khối lượng ≤1g. Phù hợp cho cả trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Tốc độ trung bình: 125ml/phút; tốc độ tối thiểu: 100 ml/phút. Chịu được tiêm truyền áp lực cao 325 PSI. Thời gian sử dụng ≥ 7 ngày hoặc ≥ 600 lần kích hoạt. "			
Lô 11: Khóa ba ngã							
112	Khóa 3 chạc có dây các cỡ	Cái	4,000	"- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh"			
113	Khóa 3 chạc không dây các cỡ	Cái	4,000	Khoá chạc ba không dây nối sử dụng được 7 ngày, 24h đối với chất cản quang. Áp lực chịu được tối đa: ≤29PSI. Tổng thể tích: 0,44ml; thể tích tồn dư: 0,3ml. Chất liệu PC kháng lipid. Đầu nối luer lock male xoay được			
Lô 12: Ống thở, mặt nạ giúp thở							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
114	Dây oxy người lớn	Cái	40,000	"- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥2 m, lòng ống có khía chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
115	Dây oxy trẻ em	Cái	10,000	"- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥2 m, lòng ống có khía chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
116	Dây oxy sơ sinh	Cái	1,000	"- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥2 m, lòng ống có khía chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
117	Mask oxy các cỡ	Cái	20,000	"- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥2m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
118	Mask xông khú dung các cỡ	Cái	20,000	"- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
119	Mask gây mê có vòng đệm silicon các số	Cái	500	"- Mặt nạ gây mê gây mê dùng một lần với chất liệu PVC - Có đủ các size từ sơ sinh đến người lớn (cỡ số 1-7) - Phần đệm với chất liệu PVC (không DEHP) - Môi trường hoạt động: nhiệt độ từ 10 đến 40 độ C, độ ẩm từ 10 đến 90%, áp suất 500 đến 1200 hPa. - Môi trường lưu trữ: nhiệt độ từ -20 đến 60 độ C, độ ẩm từ 10 đến 90%, áp suất 500 đến 1200 hPa."			
Lô 13: Vật tư tiêu hao cho máy thở							
120	Ống nối dây máy thở Catheter mount 15F/22M (Ống nẵng)	Cái	9,000	"Ống nối nội khí quản giữa ống nội khí quản và dây thở Dài 10-16 cm Ống lòng trơn cho trở kháng thấp Trục nối xoay đôi nên linh hoạt và tiện dụng Nắp đôi để dùy trì PEEP trong quá trình hút hoặc nội soi. Có nắp an toàn màu đỏ giúp đảm bảo hệ thống kín cho để khi sử dụng cho người bệnh. Khoảng chết 25 - 44 ml Cổng kết nối 22F/15M Cổng Luer lock để lấy mẫu Không chứa PVC, DEHP"			
121	Dây máy thở hai bẫy nước	Cái	1,000	"- Bộ dây máy thở một lần các cỡ dài 1.8m, cút nối chữ Y có cổng trích khí lấy mẫu kèm nắp đậy. Sử dụng được cho cả máy mê và máy thở. - Bộ dây làm từ vật liệu PE, không chứa cao su, không chứa PVC hoặc DEHP. - Trở kháng đường thở vào/thở ra tại mức 60L/phút <28.8mbar, tại 30L/phút<7.4mbar, tại 15L/phút <1.9mbar; tại 5L/phút <0.3mbar, tại 2.5L/phút <0.1mbar. - Độ giãn nở tại 60mbar và 30mbar <0.9mL/mbar - Mức độ hở khí tại 60mbar <50mL/phút. - Có chứng chỉ CE, chứng chỉ kiểm tra khả năng tương thích với một số thiết bị máy mê máy thở. "			
Lô 14: Filter lọc khuẩn							
122	Lọc khuẩn đo chức năng hô hấp dùng cho máy KoKo	Cái	5,000	Dùng cho máy đo chức năng hô hấp Koko, có đầu ngậm Ellip -Hiệu quả >99,99% -Trở kháng lọc khuẩn ở 750L/min: 0,8 cmH2O hay 840L/min: 0,95 cm H2O -chất liệu màng lọc: Sợi nanofibre hoặc Polypropylene hoặc tương đương			
123	Phin lọc khuẩn 3 chức năng	Cái	5,000	"Vật liệu lọc: bông tĩnh điện Khả năng lọc vi khuẩn: 99,999% Khả năng lọc virus: 99,999% Dung tích: 45mL Kháng trở: cmH20@15L/phút: <0.5 cmH20@30L/phút: <1.1 cmH20@60L/phút: <2.0 Nhiệt độ >32°C Độ ẩm >36.8 Trọng lượng: 30g Bệnh nhân: người lớn Có cổng lấy mẫu Được dùng cho máy và bệnh nhân Thể tích dòng chảy 250 -1500ml Tiệt trùng từng cái Tiêu chuẩn: ISO/ CE và FDA"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
Lô 15: Vật tư tiêu hao cho máy dao mổ điện cao tần							
124	Tay dao đốt hai nút bấm dùng 1 lần sử dụng cho máy đốt điện	Cái	5,000	1. Dây đốt dài ≥ 3.0 mét. 2. Connector nối vào máy cắt đốt là loại 3 chấu chuẩn. 3. Thân có 2 nút bấm "Cut-Coag" có phân biệt màu sắc để kích hoạt cắt - cầm máu; 4. Lưỡi bằng thép không gỉ (SUS304 hoặc cao hơn), đầu đốt phủ chống dính. Chiều dài 70mm cố định bằng khóa lục giác, đường kính thân dao đường kính 2.36mm. Chiều dài: 190+-2mm 4. Tương thích với các máy cắt đốt đang sử dụng tại Bệnh viện (Valley Lab, Conmed, Martin, ERBE, Tekno, ...) 5. Sản phẩm được đóng gói hai lớp và được tiệt trùng bằng EO.			
Lô 16: Vật tư cho máy chụp Xquang							
125	Bộ xilanh 65/115ml dùng cho máy bơm cản quang Spectris Solaris MR	Cái	2,000	"- Bộ xilanh 115ml và 65ml bơm thuốc cản quang dùng cho dòng máy Medrad/Bayer Spectris Solaris MR. - Bộ sản phẩm đóng gói gồm: + 1 ống tiêm 115ml có đường kính trong 3,68cm dài 18,7cm; 1 ống tiêm 65ml có đường kính trong 2,65cm dài 18,5cm; bằng chất liệu PET trong suốt không chứa DEHP kèm piston bằng PC với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen; + 1 đầu chuyển Spike dài và 1 đầu chuyển Spike ngắn bằng nhựa ABS; + 1 dây nối MRI dài 250cm bằng PVC đường kính trong 1,9mm và đường kính ngoài 3,35mm với đầu kết nối bằng PC có van một chiều. - Chịu áp lực cao 350psi, đầu nối luer. - Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 510K. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O hoặc tương đương			
126	Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cản quang Nemoto Dual Shot	Cái	1,000	"- Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cản quang Nemoto Dual Shot. - Bộ sản phẩm đóng gói gồm: + 1 xilanh 200ml đường kính 4,58cm dài 20,9cm làm bằng chất liệu PET trong suốt không chứa DEHP có piston bằng PC với đầu bọc bằng cao su tổng hợp màu đen; + 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE có đường kính trong 3,95mm; + 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài 150cm bằng PVC có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. - Chịu áp lực cao 350psi, đầu nối luer. - Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 510K. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O hoặc tương đương			
127	Dây nối áp lực cao 350psi chữ Y dài 150cm với 2 van một chiều dùng cho máy bơm tiêm cản quang	Cái	1,000	"- Dây nối áp lực cao 350psi chữ Y dài 150cm, chiều dài 2 nhánh chữ Y là 25cm và 10cm; chất liệu bằng PVC có nắp bảo vệ bằng PP, có 2 van một chiều, không chứa DEHP, dùng cho máy bơm tiêm cản quang CT. Dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. - Đầu nối Luer - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 510K. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O hoặc tương đương			
128	Dây nối áp lực cao 350psi dài 150cm dùng cho máy bơm tiêm cản quang	Cái	1,000	"- Dây nối áp lực cao 350psi bằng nhựa PVC với đầu kết nối bằng PC không chứa DEHP dùng cho bơm tiêm cản quang, dài 150cm với đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. - Đầu kết nối Luer - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA 510K. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O hoặc tương đương			
Lô 17: Phim Xquang							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
129	Phim X-quang 20 x 25cm tương thích máy in Agfa	Hộp	90,000	- Công nghệ in phim nhiệt kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: ≤0.25 - ≥3.1 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 µm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Phim tương thích với các dòng máy in Agfa - Xuất xứ hàng hóa: Châu Âu			
130	Phim X-quang 25 x 30cm tương thích máy in Agfa	Hộp	90,000	- Công nghệ in phim nhiệt kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: ≤0.25 - ≥3.1 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 µm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Phim tương thích với các dòng máy in Agfa - Xuất xứ hàng hóa: Châu Âu			
131	Phim X-quang 35 x 43cm tương thích máy in Agfa	Hộp	90,000	- Công nghệ in phim nhiệt kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: ≤0.25 - ≥3.1 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 µm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Phim tương thích với các dòng máy in Agfa - Xuất xứ hàng hóa: Châu Âu			
132	Phim X-quang nhũ ảnh 20 x 25cm tương thích máy in Agfa	Hộp	1,000	- Công nghệ in phim nhiệt kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: ≥4 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 µm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Phim tương thích với các dòng máy in Agfa - Xuất xứ hàng hóa: Châu Âu			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
133	Phim X-quang nhũ ảnh 25 x 30 cm tương thích máy in Agfa	Hộp	1,000	- Công nghệ in phim nhiệt kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: ≥4 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 µm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Lưu trữ phim trước khi in ở nhiệt độ 4-25 độ C - Phim tương thích với các dòng máy in Agfa - Xuất xứ hàng hóa: Châu Âu			
Lô 18: Vật tư kiểm soát nhiễm khuẩn							
134	Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 hexamethylenebis(5-(4-Chlorophenyl) - biguanide) digluconate 4%)	Chai	900	1. Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4%, Cocamidopropyl amine oxide, Alkylpolyglycoside, Glycerin và Methyl glucosides 2. Xà phòng khử khuẩn cho vệ sinh tay thường quy và vệ sinh tay ngoại khoa pH = 5.5 3. Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. 4. Diệt virus HIV, Rotavius, HBV, HCV theo tiêu chuẩn EN 14476 5. Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm trong vòng 6 tháng sau khi mở nắp 6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương			
135	6,5 % Didecyldimethyl ammonium chloride+0,074% chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt	Chai	900	1. Thành phần: 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. 2. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0.5% (25ml trong 5 lít nước) pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút 3. Hiệu quả diệt khuẩn - Diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae...) - Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, - Diệt Vacinia EN 17111 4. Đạt tiêu chuẩn: ISO 15883 (chống lại màng Biofilm) 5. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương			
136	Hỗn hợp 5 enzyme: protease, lipase, Amylase, Mannanase Cellulase+ chất hoạt động bề mặt	Can	200	1. Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, 2. Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.89-7.29 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau 3. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) 4. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 hoặc tương đương			
137	Dung dịch diệt khuẩn nhanh bề mặt y tế chứa 50% kl/kl Didecyl dimethyl ammonium chloride hoặc tương đương	Chai	900	1. Thành phần: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,6% Ethanol. 2. Khử khuẩn nhanh các bề mặt 3. Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm theo EN 13697 Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) từ 1 phút 4. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
138	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Can	200	1. Thành phần: 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. 2. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0.5% (25ml trong 5 lít nước) pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút 3. Hiệu quả diệt khuẩn - Diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae...) - Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, - Diệt Vacinia EN 17111 4. Đạt tiêu chuẩn: ISO 15883 (chống lại màng Biofilm) 5. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001			
139	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ 14 ngày	Can	800	1. Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, 2. pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). 3. Hiệu quả diệt khuẩn: - Diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium...) - Diệt bào tử trong 30 phút theo EN 17126 (Clostridium difficile, Bacillus subtilis, Bacillus cereus) - Diệt virus EN 17111 (Adenovirus...) 5. Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. 6. Có tài liệu chứng minh tương thích với ống nội soi hãng Olympus/Fujifilm/Pentax/Karl Stozr 7. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001			
140	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ đa Enzyme	Can	200	1. Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, 2. Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.89-7.29 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau 3. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) 4. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5			
141	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Can	200	1. Thành phần: 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. 2. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0.5% (25ml trong 5 lít nước) pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút 3. Hiệu quả diệt khuẩn - Diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae...) - Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, - Diệt Vacinia EN 17111 4. Đạt tiêu chuẩn: ISO 15883 (chống lại màng Biofilm) 5. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
142	Gel tiệt trùng bôi trơn dụng cụ optilube	Tube	100	" -Thành phần: Gelling agent < 1%, Glycerin < 10%, Propylene glycol < 10%, Other inert agent and DI water qs. to 100%., PH 6.5-7.5 - Dùng để bôi trơn cho dụng cụ y tế khi đưa vào cơ thể như đưa qua âm đạo, thực quản, tiết niệu… Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn, không mùi, không dị ứng,dễ rửa.. - TCCL: ISO 13485 hoặc tương đương			
Lô 19: Túi ép các loại							
143	Túi ép dẹp 10 cm x 200 m	Cuộn	100	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester trung bình 65 g/m² , 12µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² - Kích thước: 100mm x 200m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn. Chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu trong cho trình hơi nước, chuyển từ màu xanh sang màu vàng trong chu trình tiệt khuẩn EO - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO… - Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D 374; ASTM D1922; ASTMD 2457; EN 868-5; ISO 11140-1			
144	Túi ép dẹp 15 cm x 200 m	Cuộn	150	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester trung bình 65 g/m² , 12µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² - Kích thước: 150mm x 200m (± 05%) - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn. Chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu trong cho trình hơi nước, chuyển từ màu xanh sang màu vàng trong chu trình tiệt khuẩn EO - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO… - Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D 374; ASTM D1922; ASTMD 2457; EN 868-5; ISO 11140-1			
145	Túi ép dẹp 20 cm x 200 m	Cuộn	100	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester trung bình 65 g/m² , 12µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² - Kích thước: 200mm x 200m (± 05%) - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn. Chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu trong cho trình hơi nước, chuyển từ màu xanh sang màu vàng trong chu trình tiệt khuẩn EO - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO… - Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D 374; ASTM D1922; ASTMD 2457; EN 868-5; ISO 11140-1			
146	Túi ép dẹp 25 cm x 200 m	Cuộn	50	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester trung bình 65 g/m² , 12µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² - Kích thước: 250mm x 200m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn. Chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu trong cho trình hơi nước, chuyển từ màu xanh sang màu vàng trong chu trình tiệt khuẩn EO - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO… - Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D 374; ASTM D1922; ASTMD 2457; EN 868-5; ISO 11140-1			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
147	Túi ép dẹp 30 cm x 200 m	Cuộn	20	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester trung bình 65 g/m² , 12µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² - Kích thước: 300mm x 200m - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn. Chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu trong cho trình hơi nước, chuyển từ màu xanh sang màu vàng trong chu trình tiệt khuẩn EO - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO… - Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D 374; ASTM D1922; ASTMD 2457; EN 868-5; ISO 11140-1			
148	Túi ép dẹp 35cm x 200m	Cuộn	20	Túi ép dẹp đóng gói dụng cụ - Chất liệu: * Màng ép bằng Polyester trung bình 65 g/m² , 12µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² - Kích thước: 350mm x 200m (± 05%) - Đặc điểm: chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất và rõ sau khi tiệt khuẩn. Chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu trong cho trình hơi nước, chuyển từ màu xanh sang màu vàng trong chu trình tiệt khuẩn EO - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước, EO… - Tiêu chuẩn chất lượng: ASTM D 374; ASTM D1922; ASTMD 2457; EN 868-5; ISO 11140-1			
149	Túi ép phồng tiệt trùng 250x100	Cuộn	50	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ tiệt khuẩn - Chất liệu: * Màng Polyester trong suốt trọng lượng trung bình nặng 54 g/m², dày 53 µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² , dày 86µm - Túi có 3 loại chỉ thị hoá học tương thích với 3 phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước (steam) chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu; ethylene oxit (EO) chỉ thị chuyển từ màu xanh dương sang màu vàng; formaldehyde (FO) chỉ thị chuyển từ đỏ sang màu xanh lá. - Độ bền của giấy MD= 100 N/15mm, CD 50 N/15mm theo EN ISO 1924-3; - Độ bền sau chu trình tiệt khuẩn: MD= 18 N/15mm, CD = 9 N/15mm theo ISO 3781 - Độ bền khi ướt trung bình 55 kPa theo ISO 3689 - Độ chống bám nước: 25s theo ISO 5636-3 - Đáp ứng các yêu cầu của Quy định về Thiết bị Y tế 2017/745 - Kích thước: 250mm x 85 mm x 100m - Tiêu chuẩn ISO 13485/ CE			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
	Túi ép phồng 40cmx100cm	Cuộn					
150			50	Túi ép phồng đóng gói dụng cụ tiệt khuẩn - Chất liệu: * Màng Polyester trong suốt trọng lượng trung bình nặng 54 g/m², dày 53 µm * Giấy y tế, trọng lượng: 60g/m² , dày 86µm - Túi có 3 loại chỉ thị hoá học tương thích với 3 phương pháp tiệt khuẩn: Hơi nước (steam) chỉ thị chuyển từ hồng sang màu nâu; ethylene oxit (EO) chỉ thị chuyển từ màu xanh dương sang màu vàng; formaldehyde (FO) chỉ thị chuyển từ đỏ sang màu xanh lá. - Độ bền của giấy MD= 100 N/15mm, CD 50 N/15mm theo EN ISO 1924-3; - Độ bền sau chu trình tiệt khuẩn: MD= 18 N/15mm, CD = 9 N/15mm theo ISO 3781 - Độ bền khi ướt trung bình 55 kPa theo ISO 3689 - Độ chống bám nước: 25s theo ISO 5636-3 - Đáp ứng các yêu cầu của Quy định về Thiết bị Y tế 2017/745 - Kích thước: 400mm x 110 mm x 100m - Tiêu chuẩn ISO 13485/ CE			
	Túi ép tiệt trùng Tyvek 100mm x 70m	Cuộn		Túi ép đóng gói dụng cụ			
151			20	- Chất liệu của 2 lớp: * Lớp Giấy y tế trọng lượng 59.5g/m²; độ dày 150µ * Lớp Film trọng lượng 64.65g/m²; độ dày 63µ - Kích thước: 100mm x 70m - Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn, chỉ thị chuyển từ màu hồng/đỏ sang màu vàng - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11140-1; TS EN 868-5; ISO 534.			
	Túi ép tiệt trùng Tyvek 150mm x 70m	Cuộn		Túi ép đóng gói dụng cụ			
152			50	- Chất liệu của 2 lớp: * Lớp Giấy y tế trọng lượng 59.5g/m²; độ dày 150µ * Lớp Film trọng lượng 64.65g/m²; độ dày 63µ - Kích thước: 150mm x 70m - Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn, chỉ thị chuyển từ màu hồng/đỏ sang màu vàng - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11140-1; TS EN 868-5; ISO 534.			
	Túi ép tiệt trùng Tyvek 250mm x 70m	Cuộn		Túi ép đóng gói dụng cụ			
153			50	- Chất liệu của 2 lớp: * Lớp Giấy y tế trọng lượng 59.5g/m²; độ dày 150µ * Lớp Film trọng lượng 64.65g/m²; độ dày 63µ - Kích thước: 250mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn, chỉ thị chuyển từ màu hồng/đỏ sang màu vàng - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11140-1; TS EN 868-5; ISO 534.			
	Túi ép tiệt trùng Tyvek 300mm x 70m	Cuộn		Túi ép đóng gói dụng cụ			
154			100	- Chất liệu của 2 lớp: * Lớp Giấy y tế trọng lượng 59.5g/m²; độ dày 150µ * Lớp Film trọng lượng 64.65g/m²; độ dày 63µ - Kích thước: 300mm x 70m -Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn, chỉ thị chuyển từ màu hồng/đỏ sang màu vàng - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11140-1; TS EN 868-5; ISO 534.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
155	Túi ép tiệt trùng Tyvek 350mm x 70m	Cuộn	100	Túi ép đóng gói dụng cụ - Chất liệu của 2 lớp: * Lớp Giấy y tế trọng lượng 59.5g/m²; độ dày 150µ * Lớp Film trọng lượng 64.65g/m²; độ dày 63µ - Kích thước: 250mm x 70m (± 05%) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất sau khi tiệt khuẩn, chỉ thị chuyển từ màu hồng/đỏ sang màu vàng - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11140-1; TS EN 868-5; ISO 534.			
Lô 20: Vật tư chỉ thị tiệt khuẩn							
156	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước 3 thông số	Test	25,000	Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, áp suất) kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ nhóm 5 (class 5) Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước, thời gian: 134ºC trong 3,5 phút hoặc 121ºC trong 15 phút - Kích thước: 22mm x 57mm. Hình chữ nhật. - Kết quả sau tiệt khuẩn: chỉ thị hóa học cho kết quả rõ, vạch màu chỉ thị chạy về khu vực ACCEPT - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11140-1			
157	Băng keo chỉ thị nhiệt 19mm x 50m	Cuộn	1,000	Băng keo chỉ thị tiếp xúc dung cho phương pháp tiệt khuẩn hơi nước, thời gian: 134ºC trong 3,5 phút hoặc 121ºC trong 15 phút - Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học - Kích thước: 25mm x 50m - Không chứa chì, vạch chỉ thị hóa học chuyển màu đen sau khi hoàn thành chu trình tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11140-1 / CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)			
158	Chỉ thị sinh học	Ống	78	• Ống kín chứa Bào tử đề kháng cao Geobacillus Stearothermophillus x 106 hoặc 106 theo chuẩn. • Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. • Dùng cho máy tiệt khuẩn Plasma với các mẫu máy STERRAD® (100S; NX; 100NX). • Nhiệt độ ủ: 37ºC ± 2ºC • Thời gian đọc kết quả: 20 phút khi ủ với máy ủ • Hoặc đọc kết quả sau 48 giờ nếu ủ với máy ủ thông thường ở nhiệt độ 37ºC ± 2ºC.			
159	Chỉ thị hóa học 2 thông số	Miếng	6,000	-Đo lường 2 thông số của quá trình tiệt khuẩn (thời gian – nhiệt độ) có đạt yêu cầu hay không. -Vạch màu xanh sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua Tiệt khuẩn. -Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước, thời gian: 134ºC trong 3,5 phút hoặc 121ºC trong 15 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11140-1 / CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)			
160	Giấy thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế hydrogen peroxide	Miếng	4,000	Chỉ thị hóa học được thiết kế hoạt động ở chu kỳ khử trùng Hydrogen Peroxide ở 50°C trong 6 phút, trong điều kiện 2.3 mg/l H2O2 Sau khi hoàn thành với chu trình khử trùng bằng plasma, đầu kiểm phải chuyển từ màu đỏ sang màu vàng. Kích thước: 105 mm x18mm			
161	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate	Cái	100	- Khăn tắm khô định dạng hình găng tay sử dụng một lần chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương có trọng lượng 60-70 gsm - Kích thước khoảng 220 x 145 mm - Thành phần: Chlohexidine digluconate 0,1%, Octenidin HCL 9ppm (0,009%). - Dạng khăn tẩm : Chlohexidine digluconate - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương			
Lô 21: Ống nghiệm							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
162	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ	9,000	"+ Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
163	Lọ nhựa đựng mẫu tiệt trùng PS 50ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ	9,000	"+ Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm + Tiệt trùng bằng công nghệ khí EO. + Đóng gói riêng lẻ 1 cái/1 gói. + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
164	Lọ nhựa đựng phân có chất bảo quản 50ml nắp vàng, có nhãn	Lọ	2,000	"+ Chất liệu nhựa PP nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm, có muỗng lấy mẫu, có chất bảo quản + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
165	Ống nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp	Ống	30,000	"Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp cao su bọc nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Xám + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Chất phụ gia: NaF + EDTA + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm + Chứng nhận quay ly tâm 6.000 vòng/phút trong 10 phút"			
166	Ống nghiệm Citrate 3,8%, 2ml nắp xanh lá, mous thấp	Ống	40,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Xanh dương (hoặc xanh lá) + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Chất phụ gia: TriSodium Citrate 3.8% (tỉ lệ 9:1) + Thể tích lấy máu: 1.8ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm."			
167	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp	Ống	70,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp cao su bọc nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: tím (hoặc xanh dương) + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Chất phụ gia: EDTA K2 + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
168	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	Ống	100,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Xanh lá (hoặc đen) + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Chất phụ gia: Lithium Heparin + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
169	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml nắp trắng	Ống	13,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 10.2x40mm, nắp liền thân + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích lấy mẫu: 1.5ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
170	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, có nhãn	Ống	2,600	"+ Chất liệu nhựa PP nguyên sinh 13x75mm, có nắp nhựa LDPE, không nhãn + Phù hợp TCVN 7612:2007. + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 5ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
171	Ống nghiệm serum hạt to nắp đỏ	Ống	80,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Có chứng nhận thử nghiệm của Bộ Y Tế + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Đỏ + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Chất phụ gia: Silica + hạt nhựa + Thể tích lấy máu: 2ml + HSD: 36 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
172		Lọ	5,000	"+ Chất liệu nhựa PP nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm, có muỗng lấy mẫu, có chất bảo quản + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
173	Lọ nhựa 55ml đựng mẫu phân có chất bảo q	Ống	10,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 10.8x40mm, nắp liền thân + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích lấy mẫu: 2.0ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
174	Ống eppendorf	Cái	7,000	"+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 10.8x40mm, nắp liền thân + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích lấy mẫu: 2.0ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
175	Ống nghiệm 10ml PS trắng trong có nắp	Ống	50,000	"+ Chất liệu nhựa PS nguyên sinh 16x100mm trong suốt, có nắp ấn bên trong ống, không nhãn. + Phù hợp TCVN 7612:2007. + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 5ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm."			
176	Lọ đựng mẫu PS tiệt trùng có nắp đỏ có nhãn	Lọ	4,000	"+ Chất liệu nhựa PP/PS nguyên sinh trong suốt, nắp xoay 2 vòng. Kích thước 65x34mm + Tiệt trùng bằng công nghệ khí EO. + Đóng gói riêng lẻ 1 cái/1 gói. + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 50ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
177	Ống nghiệm 10ml PS trắng trong có nắp	Ống	8,000	"+ Chất liệu nhựa PS nguyên sinh 16x100mm trong suốt, có nắp ấn bên trong ống, không nhãn. + Phù hợp TCVN 7612:2007. + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 5ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm."			
178	Ống nghiệm PS 5ml nắp trắng có nhãn	Ống	8,000	"+ Chất liệu nhựa PS nguyên sinh 13x75mm trong suốt, có nắp ấn bên trong ống, không nhãn. + Phù hợp TCVN 7612:2007. + ISO 13485:2016 hoặc tương đương + Thể tích 5ml + HSD: 60 tháng + Có mã vạch, mã QR code quản lý sản phẩm"			
Lô 22: Bình túi chứa dịch							
179	Bình chứa dịch - 1000ml	Cái	300	Thông số kỹ thuật: - Bình chứa dịch dung tích 1.000 ml/cc - Hệ thống lọc ba lớp chống lây nhiễm chéo và mùi - Sử dụng 01 lần			
180	Bình chứa dịch - 300ml	Cái	400	Thông số kỹ thuật: - Bình chứa dịch dung tích 300 ml/cc - Hệ thống lọc ba lớp chống lây nhiễm chéo và mùi - Sử dụng 01 lần			
181	Bình chứa dịch - 500ml	Cái	400	Thông số kỹ thuật: - Bình chứa dịch dung tích 500 ml/cc - Hệ thống lọc ba lớp chống lây nhiễm chéo và mùi - Sử dụng 01 lần			
182	Bộ Foam Điều Trị Vết Thương Áp Lực Âm Các Cỡ	Bộ	400	"Thông số kỹ thuật: - Foam xốp đen size S kích thước 100 x 80 mm: 01 cái - Miếng keo dán: 01 cái - Tấm dán có cổng hút VT được làm từ PVC mềm chuẩn y tế"			
183	Bộ Foam Điều Trị Vết Thương Áp Lực Âm Các Cỡ	Bộ	400	Thông số kỹ thuật: - Foam xốp đen size M kích thước 200 x 125 mm: 01 cái - Miếng keo dán: 02 cái - Tấm dán có cổng hút VT được làm từ PVC mềm chuẩn y tế			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
184	Bộ Foam Điều Trị Vết Thương Áp Lực Âm Các Cỡ	Bộ	400	Thông số kỹ thuật: - Foam xốp đen size L kích thước 250 x 150 mm: 01 cái - Miếng keo dán: 03 cái - Tấm dán có cổng hút VT được làm từ PVC mềm chuẩn y tế			
Lô 23: Vật tư y tế ngoại niệu							
185	Dây dẫn đường cứng dùng cho niệu	Cái	50	"1. Chất liệu: thép không gỉ 304 phủ PTFE 2. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ: 0,032"", 0,035"" dài 150cm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn. Tip: Đầu thẳng hoặc cong (J tip). 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương * Giấy chứng nhận lưu hành tự do Quy cách đóng gói: 1 cái/ túi;"			
186	Dây dẫn đường cứng đầu thẳng dài 150cm cỡ 0,035"	Cái	100	"1. Chất liệu: thép không gỉ 304 phủ PTFE 2. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ: 0,035"" dài 150cm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn. Tip: Đầu thẳng hoặc cong (J tip). 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương * Giấy chứng nhận lưu hành tự do Quy cách đóng gói: 1 cái/ túi;"			
187	Dây dẫn đường mềm dùng cho niệu	Cái	100	*Dây dẫn đường mềm loại trơn lõi hợp kim titan niken 1. Thiết kế đầu tròn siêu mềm và trơn giúp đưa vào dễ dàng 2. Với lớp phủ ngoài Hydrophilic, hiệu suất bôi trơn cao, bảo vệ tốt niêm mạc khoang và dụng cụ. Đường kính :0.028" 0.032"-0.035", dài 120/150/180 cm Tiêu chuẩn: ISO 13485 *Tiệt trùng bằng EO			
188	Dây dẫn đường mềm phủ Hydrophilic, dài 150cm	Cái	200	"* Kích cỡ: 0.028"", 0.032"", 0.035"" * Chiều dài: 150cm * Chất liệu: Nitinol phủ PTFE, tip phủ Hydrophilic * Tip: Đầu thẳng, mềm * Thiết kế sọc vàng, đen chạy dài trên thân ống, giúp dễ quan sát trên X-quang * Hạn sử dụng: 60 tháng * Vô trùng, sử dụng một lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)"			
189		Cái	500	"* Kích cỡ: 0.028"", 0.032"", 0.035"", 0.038"" * Chiều dài : 150cm * Chất liệu: Nitinol chống xoắn, phủ Hydrophilic *Tip: Đầu thẳng và đầu cong, mềm * Hạn sử dụng: 60 tháng * Vô trùng, sử dụng một lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)"			
190	Guide wire Hydrophilic Rọ lấy sỏi niệu	Cái	200	"* Kích cỡ: 2.5Fr, đường kính ngoài (OD): 15mm * Dài: 120cm, loại 4 dây * Chất liệu: Nitinol * Tay cầm có thể tháo lắp được * Hạn sử dụng: 60 tháng * Vô trùng, sử dụng một lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
	Sonde JJ các cỡ	Cái		"* Bao gồm: JJ dạng pigtail và cây đẩy * Kích thước: 4Fr, 4.6Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr * Chất liệu: làm bằng polyurethane (PU) * Dài: 24cm, 26cm, 28cm, 30cm * Hạn sử dụng: 60 tháng * Vô trùng, sử dụng một lần Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)"			
191			800				
Lô 24: Bao chi							
		Cái					
192	Bao chi gối dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối VenaFlow Elite		20	"- Bao chi gối (48cm/19") dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối VenaFlow Elite - Chất liệu: Nylon và Polyester. Bao chi làm bằng vải bền, nhẹ, thoáng khí. Tạo sự thoải mái cho người bệnh. - Bao chi không có chất cao su, có thể đặt trực tiếp lên da hoặc đặt trên 1 lớp băng ép mỏng . - Bao chi được thiết kế có tấm lót hơi theo tính năng nén không đối xứng để làm rỗng tĩnh mạch vượt trội. - Máy kết hợp hai công nghệ: Nén tức thời (nén nhanh) và Nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm) thông qua Hệ thống dòng chảy tuần tự tích hợp (IGSF) của ống nối hơi đơn (1 ống) của bao chi, để tăng tốc độ dòng chảy trong tĩnh mạch và tăng cường triệt tiêu sợi huyết. - Máy tự động nhận biết bao chi đang gắn vào máy và tạo áp lực thích hợp. - Túi khí ở xa được thổi phồng nhanh đầu tiên dưới 0,5 giây. - Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). - Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. "			
		Cái					
193	Bao chi đùi dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối VenaFlow Elite		20	"- Bao chi đùi (74cm/29") cho máy chống thuyên tắc huyết khối VenaFlow Elite - Chất liệu: Nylon & Polyester. Bao chi làm bằng vải bền, nhẹ, thoáng khí. Tạo sự thoải mái cho người bệnh. - Bao chi không có chất cao su, có thể đặt trực tiếp lên da hoặc đặt trên 1 lớp băng ép mỏng . - Bao chi được thiết kế có tấm lót hơi theo tính năng nén không đối xứng để làm rỗng tĩnh mạch vượt trội. - Máy kết hợp hai công nghệ: Nén tức thời (nén nhanh) và Nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm) thông qua Hệ thống dòng chảy tuần tự tích hợp (IGSF) của ống nối hơi đơn (1 ống) của bao chi, để tăng tốc độ dòng chảy trong tĩnh mạch và tăng cường triệt tiêu sợi huyết. - Máy tự động nhận biết bao chi đang gắn vào máy và tạo áp lực thích hợp. - Túi khí ở xa được thổi phồng nhanh đầu tiên dưới 0,5 giây. - Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). - Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. "			
Lô 25: Chỉ thông thường							
194	Chỉ Carelon (Nylon) 3/0, kim tam giác 26 mm	Cái	2,000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
195	Chỉ Carelon (Nylon) 4/0, kim tam giác 18 mm	Cái	2,000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
196	Chỉ Carelon (Nylon) 6/0, kim tam giác 13 mm	Cái	500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 12mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 3.04N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
197	Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm	Cái	2,500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
198	Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, kim tam giác, dài 18 mm	Cái	2,000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
199	Chỉ Carelon (Nylon) số 5/0, kim tam giác, dài 16 mm	Cái	500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 6.67N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
200	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Cái	800	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả			
201	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, kim tam giác 26mm	Cái	500	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde			
202	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, kim tròn 26mm	Cái	500	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả			
203	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Cái	500	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả			
204	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, kim tam giác 26mm	Cái	500	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde			
205	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, kim tròn 26 mm	Cái	800	Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde			
206	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 26 mm	Cái	500	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat			
207	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 36 mm	Cái	700	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
208	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm	Cái	500	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat			
209	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 36 mm	Cái	2,500	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat			
210	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26 mm	Cái	500	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quảXtraCoat			
211	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 0, kim tròn 30 mm	Cái	500	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 30mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 36.30N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
212	Chỉ Trustilene (Polypropylene) 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 26mm	Cái	500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 26 mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim gồm Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric, phủ lớp silicone cải tiến, giới hạn độ bền kéo hợp kim > 2700 MPa, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Đóng gói onestep relay quấn vòng trong vòng khay nhựa tối thiểu nhớ hình. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Tiêu chuẩn FDA			
Lô 26: chỉ tan, không tan tổng hợp							
213	Chỉ thép liền kim số 7, 60cm	Tép	12	"Chỉ bằng thép không gỉ 316L, số 7, 2 sợi dài 45cm, chịu lực suốt vòng đời, tiêu chuẩn ASTM F138 mức độ 2 - Kim tròn đầu cắt KV-40 dài 48mm, 1/2C, kim xoay Roto-Grip, kim phủ silicone sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim bằng công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA hoặc tương đương. Xuất xứ: Châu Mỹ"			
214	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi 4/0, 70 cm, kim tròn đầu tròn 22 mm, 1/2 C	Tép	180	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
215	Chỉ Polygactin đa sợi- cỡ 3/0 dài 75 cm, kim hình thang dài 26mm	Tép	180	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi SH Plus, dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim gồm Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric, phủ lớp silicone cải tiến, giới hạn độ bền kéo hợp kim > 2700 MPa, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Đóng gói onestep relay quấn vòng trong vòng khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
216	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi 2/0, 75cm, 2 kim thẳng ST-75, 30 mm	Tép	180	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 75cm, 2 kim thẳng ST-70, dài 70mm, bằng hợp kim gồm Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric, phủ lớp silicone cải tiến, giới hạn độ bền kéo hợp kim > 2700 MPa, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Đóng gói onestep relay quấn vòng trong vòng khay nhựa tối thiểu nhớ hình. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương			
217	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, 6/0, 75cm, 2 kim, kim tròn 13 mm	Tép	360	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 3.53N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chi được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
218	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 2-0, 70cm, kim tròn 40mm	Tép	360	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 38.84N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
219	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 0, 90cm, kim tròn 40mm	Tép	360	"Chỉ khâu tiêu trung bình, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi calcium stearoyl lactylate, đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% USP, còn 80% sau 2 tuần và 30% sau 3 tuần, số 0 dài 90cm - 1 Kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm 1/2C, kim được phủ silicone sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ) hoặc tương đương. Xuất xứ: G7"			
220	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1-0, 90cm, kim tròn 40mm	Tép	360	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn HR 40mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 66.30N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. . Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
221	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 3-0, 70cm, kim tròn 26 mm	Tép	360	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 22.04N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
222	Chỉ Polyamid 6 số 5/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn chiều dài kim 16mm	Tép	960	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 6.67N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
223	Chỉ Polyamid 6 số 4/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn chiều dài kim 19mm	Tép	2,400	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
224	Chỉ Polyamid 6 số 3/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn chiều dài kim 24mm	Tép	2,400	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương			
225	Chỉ không tiêu sinh học số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26mm	Tép	1,200	"Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da - Chỉ màu xanh chất liệu Nylon (Polyamid 6.0 và 6.6), số 3/0, dài 75cm - 1 kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8C, kim phủ sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, theo công nghệ Nucoat - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ) hoặc tương đương. Xuất xứ: Châu Mỹ"			
Lô 27: Vật tư y tế khoa mắt							
226	Chất nhầy thủy tinh thể cứng	Cái	500	Chất nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% (HPMC 2%): Hydroxypropyl methylcellulose: 2%. - Sodium Chloride: 0.490%. Potassium Chloride: 0.075%. - Calcium Chloride: 0.048%. - Magnesium Chloride Hexahydrate: 0.030%. - Sodium Acetate Trihydrate: 0.39%. - Sodium Citrate Dihydrate: 0.170%. - Nước cất pha tiêm vừa đủ. - Trọng lượng phân tử:100.000 dalton. - Độ Ph: 6.0-7.8. - Độ nhớt: 6.000 ± 1.000 cst. - Độ thẩm thấu: 285 ± 15 mOsm/kg. - Ống 2ml được đóng gói vô trùng			
227	Chất nhầy thủy tinh thể mềm	Cái	500	Dịch nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% HPMC, nguồn gốc thực vật, Độ thẩm thấu: 240 - 400 mOsm/Kg, PH: 7.0 (± 0.5), Độ nhớt Viscosity: 30,000 -50,000cps , Ống 2ml cùng với đầu kim 23G			
228	Chất nhầy OCU+, dạng chuỗi, dùng trong phẫu thuật phaco	Cái	500	Dịch nhầy Sodium Hyaluronate 1.8%: Trọng lượng phân tử: 2.9-3.8 million daltons, Độ nhớt: 450.000-750.000 mPa.s, Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm/kg, Độ Ph: 6.8-7.6, Sodium hyaluronate: 18 mg, Sodium Chloride: 8.5 mg, Disodium Hydrogen Phosphate : 0.563 mg, Sodium dihydrogen phosphate: 0.045 mg, Nước pha tiêm vừa đủ, Ống 1.5ml			
229	Dao phẫu thuật 15 độ	Cái	200	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không ri, mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Đầu lưỡi dao có hộp nhựa tròn bảo vệ 360 độ tăng tính an toàn. Cán dao màu hồng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA			
230	Dao phẫu thuật mắt 2.8mm đến 3.2 mm	Cái	200	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không gỉ độ cứng ≥ 500Hv, phủ silicon(gồm nikel và crom), mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Kích thước lưỡi dao ngang: 2.2mm,dày: 0.14mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ. Công nghệ chóng chói đầu lưỡi dao. Tay cầm nhựa PBT chịu nhiệt cao. Vỏ nhựa bảo vệ (chịu nhiệt cao), trượt trên thân dao. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
231	Thủy tinh thể nhân tạo Primus HD Yellow Kính thủy tinh thể nhân tạo mềm Nanoflex	Cái	200	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu một mảnh lắp sẵn trong injector (Preloaded): nhuộm vàng, phi cầu (hiệu chỉnh quang sai ≤ 0.20µ, thiết kế quang lồi cầu sau, vật liệu Hydrophobic acrylic không lấp lánh, bậc 0 trên thang Miyata, không bị dính khi tiếp xúc, lọc tia UV, kết hợp lọc ánh sáng xanh, bờ vuông 360 độ sắc nét, cạnh bên nhám chống chói, góc tiếp xúc ≥ 1.5 độ, điều chỉnh vòng lặp C-loop đảm bảo tương thích với các kích cỡ bao khác nhau, chỉ số khúc xạ ≤ 1.48 tại 35độ, đường kính optic: 6.0mm, Chiều dài toàn bộ: ≥ 13.0 mm, Hằng số A: 118.9 (nominal), Haigis: a0=1.46 a1=0.40 a2=0.10, Hoffer: pACD 5.68, Holladay:sf=1.91, SRK/T: 119.2, SRKII: 119.6, Phạm vi Diop: từ -10.0 => 36 Diop, bước điều chỉnh 0.5D, đường kính ngoài đầu tip catridge ≤ 1.78mm, cho phép đặt qua vết mổ nhỏ 2.0mm			
232		Cái	200	Loại kính đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (Preloaded). lọc ánh sáng xanh. Đường kính optic: từ 5.8mm-6.15mm, Đường kính toàn bộ: dài từ 11.5mm - 11.78mm. Thiết kế 1 mãnh bờ góc vuông 360 độ, kiểu càng dạng C-loop hay Z. Thiết kế optic: phi cầu, loại bỏ cầu sai giác mạc. Góc càng: 5°. Chất liệu: hydrophobic Acrylic. Phạm vi diop: từ 0D đến 35D, cách khoảng 0.5D Hằng số đề nghị (SRK-T): 119.3 đo bằng siêu âm, 119.7 đo bằng laser. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): 5.77mm khi đo bằng siêu âm, 6.03 đo bằng laser. Chỉ số khúc xạ: 1.54, Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide có thể đặt qua vết mổ 2.0mm			
233	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Artis PL M	Cái	600	Loại kính, đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (preloaded). Đường kính optic:từ 5.8mm-6.0mm (từ 10D đến 25D), 5.8mm (từ 25.5D đến 35D), Đường kính toàn bộ: từ ≥ 10.5 - ≤ 10.79mm, Thiết kế 1 mãnh bờ góc vuông 360 độ, Optic: phi cầu, loại bỏ cầu sai giác mạc, đa tiêu cự bề mặt bán phần trước, 2 mặt lồi đều (biconvex) , Góc càng ≥ 5 độ, Chất liệu: Hydrophobic Acrylic, Phạm vi diop: từ 10D đến 35D, Loại kính đa tiêu cự: diop cộng thêm 2.5D / 3.00D Hằng số đề nghị (SRK-T): ≥ 119.3 đo bằng siêu âm, ≥ 119.7 đo bằng laser. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): ≥ 5.77mm khi đo bằng siêu âm, 6.03mm khi đo bằng laser, Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.54, Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide, có thể đặt qua vết mổ 2.0mm			
234	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Artis PL E	Cái	600	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, đặt trong túi bao, đã được lắp sẵn trong injector (preloaded) - Vật liệu: CBK 1.8 không ngậm nước (Hydrophobic acrylic), Cấu tạo: 1 mảnh, 4 càng, Đường kính optic: từ 5.8mm - 6.15 mm. - Đường kính tổng thể: dài từ 10.5mm - 11.00 mm, thiết kế 1 mãnh rìa cạnh sắc vuông 360° .Thiết kế quang học (optic): Phi cầu, với quang sai hình cầu âm tính để điều chỉnh một phần quang sai giác mạc, Góc càng: 5°, Dải công suất: Từ 0.0D đến +35.0D, Hằng số A ước tính (SRK-T): 119.3 Đo bằng siêu âm; 119.7 Đo bằng laser can thiệp - Độ sâu tiền phòng đề xuất (ACD): 5.77 mm khi đo bằng siêu âm; 6.03 mm khi đo bằng laser can thiệp, Chỉ số khúc xạ: 1.54 -Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide, có thể đặt qua vết mổ nhỏ 2mm			
235	Mực nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt	Lọ	800	Thuốc nhuộm bao Trypan Blue 0.06%, Lọ 1ml. Dung dịch màu xanh chứa trong lọ thủy tinh, tiệt trùng			
236	Bộ dây tưới tút tiệt trùng (Easysys cassette) dùng cho máy phaco Optikon	Cái	500	Bộ dây tưới hút bằng silicon, có bộ ACS3 (chống xẹp tiền phòng), tương thích máy phaco hãng optikon			
237	Đầu bọc silion dùng cho đầu tip phaco Optikon	Cái	50	Đầu bọc silicon dùng cho đầu tip phaco 20G tương thích máy phaco hãng optikon			
238	Đầu tip rửa hút (các cỡ) dùng cho máy phaco Optikon	Cái	50	Đầu tip rửa hút loại cong, 20G, có lỗ hút 0.3mm, được bọc silicon dùng cho máy phaco hãng optikon			
239	Đầu tip phaco các cỡ dùng cho máy phaco optikon	Cái	50	Đầu tip phaco đầu Flared, loại 20G, tương thích máy phaco hãng optikon			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
240	Tay cầm tưới hút loại dài dùng cho máy phaco optikon	Cái	100	Tay cầm rửa hút loại dài dùng cho máy phaco hãng optikon			
Lô 28: Vật tư Đinh, Nẹp và Vít thông thường							
241	Đinh chốt titan cẳng chân các cỡ	Tép	120	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 8/9/10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm. - Đặc tính: thân đinh đặc (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 9 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
242	Đinh chốt titan đùi các cỡ	Gói	90	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 9/10/11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm. - Đặc tính: thân đinh rỗng (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: 26-60 mm, gia số tăng 2mm, 64-84mm gia tăng số 4mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
243	Nẹp khóa cẳng chân các cỡ	Gói	20	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16lỗ. Chiều dài: 78/96/114/132/150/168/186/204/222/258/294mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
244	Nẹp khóa cẳng tay các cỡ	Cái	140	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 51/64/77/90/103/116/129mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
245	Nẹp khóa cánh tay các cỡ	Cây	70	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ. Chiều dài: 56/69/82/95/108/121/134/147/160mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
246	Nẹp khóa chữ I các cỡ	Cây	80	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 23.2/28.5/33.8/39.1/44.4/49.7/55mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vỏ đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
247	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phả	Cái	80	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 61/71/81/91/101/111/121/131mm. - Đặc tính: Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
248	Nẹp khóa đầu dưới mâm chày (trái, phải) các	Cái	70	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/13 lỗ. Chiều dài: 129/142/155/168/181/194/207/233mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa và vít vỏ) và 1 lỗ vít hình giọt nước dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
249	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	Cái	100	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6lỗ. Chiều dài: 74/86/98/110mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc giúp cố định chỗ gãy thuận lợi hơn và có 4 lỗ vít khoá hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
250	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (trái, phải) c	Cái	150	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/ 4/ 5/ 6lỗ. Chiều dài: 44/ 55/ 66/ 77mm. - Đặc tính: nẹp thẳng hình chữ T, đầu nẹp có 5 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), sử dụng vít 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) sử dụng vít 4.0mm,chất liệu Titanium có khả năng chông ăn mòn tốt. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
251	Nẹp khoá đầu trên mâm chày (trái, phải) các	Cái	70	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13lỗ. Chiều dài: 99/139/159/179/199/219/239/259/299mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
252	Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay các cỡ	Cái	70	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10lỗ. Chiều dài: 98/111/124/137/150/163/176/189mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 9 lỗ vít khoá hình tròn và 1 lỗ vít hình giọt nước dùng để nén ép, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
253	Nẹp khoá DHS các cỡ	Cái	20	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12lỗ. Chiều dài: 91/107/123/139/155/171/187/203/219/235mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có kèm vít khoá DHS, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.00mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
254	Nẹp khóa đùi các cỡ	Cái	25	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 6/7/8/9/10/11/12/13/14/16lỗ. Chiều dài: 126/144/162/180/198/216/234/252/270/306mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
255	Nẹp khóa đùi đầu rắn các cỡ	Cái	2	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/13lỗ. Chiều dài: 120/138/156/174/192/210/228/246/282mm. - Đặc tính: nẹp thẳng đầu nẹp có 4 lỗ vít khóa hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
256	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) c	Cái	15	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11lỗ. Chiều dài: 99/111/123/135/147/159/171mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 5 lỗ vít khoá hình tròn dùng để sử dụng vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng đê nén ép để sử dụng vít đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
257	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay (trái, phải) c	Cái	15	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10lỗ. Chiều dài: 79/91/103/115/127/139/151mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá hình tròn dùng để sử dụng vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép đê sử dụng vít đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
258	Nẹp khóa mắc xích các cỡ	Cái	60	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ. Chiều dài: 48/60/72/84/96/108/120/144mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
259	Nẹp khóa mỏm khuỷu (trái, phải) các cỡ	Cái	10	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8lỗ. Chiều dài: 70/83/96/109/122/135mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 2 lỗ vít khoá hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ); chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
260	Nẹp khoá ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	Cái	30	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13lỗ. Chiều dài: 139/159/179/199/219/239/259/279/299/319mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 7 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
261	Nẹp khóa xương đòn S (trái, phải) các cỡ	Cái	250	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 45/69/81/93/105/117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
262	Nẹp bất động đùi	Cái	5	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel). - Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối dài 260mm và 1 thanh nén, kéo. - 6 đinh đường kính 6.0mm với chiều dài 130mm, đoạn răng 50mm. - Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương đùi, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
263	NẸP bất động cẳng chân	Cái	5	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel). - Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối, 4 đinh đường kính 6mm /5mm/ 4mm. - Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương cẳng chân, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
264	Vít khóa 2.0 các cỡ	Cái	300	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
265	Vít khóa 2.7 các cỡ	Cái	1,000	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm và 35/40/45/50/55/60 mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
266	Vít khoá 4.0 các cỡ	Cái	2,000	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
267	Vít khóa 5.0 các cỡ	Cái	800	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm và 65/70/75/80/85/90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
268	Vít khóa 7.3 các cỡ	Cái	20	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 7.3mm, chiều dài: 60/65/70/75/80/85/90/95/100/105/110/115mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng, đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
269	Vít rỗng titan 3.0 các cỡ	Cái	20	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 3.0mm, chiều dài: 14/16/18/20/22/24/26/28/30mm. - Đặc tính: thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác rỗng đường kính 2.0mm. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
270	Vít vỏ 2.7 các cỡ	Cái	250	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
271	Vít vỏ 4.0 các cỡ	Cái	500	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
272	Vít vỏ 5.0 các cỡ	Cái	50	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm và 65/70/75/80/85/90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
273	Vít xốp rỗng 4.5 các cỡ	Cái	80	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính 4.5mm, chiều dài: 16/18/20/22/24/26/28/30/32/34mm. - Đặc tính: thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
274	Vít xốp rỗng 7.3 các cỡ	Cái	20	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính 7.3mm, chiều dài: 60/65/70/75/80/85/90/95/100/105/110/115mm. - Đặc tính: thân vít rỗng, thân không toàn ren, chỉ có 1 đoạn ren tại mũi vít; kèm loong đền đệm, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
275	Đinh Kirschner 1.2	Cái	100	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 1.2mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
276	Đinh Kirschner 1.6	Cái	150	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 1.6mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
277	Đinh Kirschner 2.0	Cái	200	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 2.0mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
278	Đinh Kirschner 2.5	Cái	200	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 2.5mm. Chiều dài 200/250/300mm. - Đặc tính: thân đinh đặc - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
279	Đinh Kirschner có răng 1.2	Cái	100	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 1.2mm. Chiều dài 40~120mm. - Đặc tính: thân đinh đặc, mũi đinh có đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			
280	Đinh Kirschner có răng 0.8		100	- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8mm. Chiều dài 40~120mm. - Đặc tính: thân đinh đặc, mũi đinh có đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.			

Lô 29: Vật tư Các loại khớp háng xi măng và không xi măng

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
281	Khớp gối toàn phần có lớp phủ Zirconium nitride, gập gối tối đa 160 độ	Bộ	10	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lồi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mẫn cảm với Cobalt và Chrome, lồi câu đùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lồi cầu lên bề mặt xương, gập gối tối đa 160 độ. - Lồi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7 ,F8. - Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent (UHMWPE -ISO 5834-2) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiên sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp. - Mâm chày thiết kế dạng vây cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5. Cơ chế kết hợp Mâm chày và lồi cầu : + T0: F1, F2, F3, khả thi F4 + T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5 +T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6 + T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7 +T4: F4, F5, F6, F7, Khả thi F3 +T5 :F5, F6, F7, Khả thi F4 Tiêu chuẩn: ISO, CE			
282	Khớp háng bán phần không xi măng 12/14 chuôi phủ CaP	Bộ	200	Stem: có taper 8/10 & 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. -Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm -Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm * Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gắn chỏm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chỏm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL. * Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong , (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trật. Tiêu chuẩn: ISO, CE			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
283	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ µ -CaP, có cánh và rãnh chống xoay	Bộ	100	Stem: có taper 8/10 & 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. -Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm -Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm * Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gắn chỏm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chỏm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL. * Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong , (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trật. Tiêu chuẩn: ISO, CE			
284	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng Sana CBI Chuôi dài	Bộ	100	"Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp loại dài, * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỳ đè giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: REX steel có hàm lượng nitrogen cao giúp có độ bền cao, chịu xoắn vặn (Độ chịu mỏi KL cao) chống mài mòn, ăn mòn KL - Góc cổ chuôi: 135 độ. - Kích cỡ chuôi: 0,1,2 và 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 150 và 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao hoặc CoCr - Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). Tiêu chuẩn: ISO, CE "			
285	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng Sana HBI	Bộ	100	"Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp Pannon. * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỳ đè giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy , Phủ HA toàn thân - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 130, 140,145, 150,155,160,165, 170,180,190mm. - Chuôi phủ Titanium Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller) - cố định tốt, chuyển tải lực phía đầu gần tốt hơn giúp xương can sớm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX steel có hàm lượng nitrogen cao - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). Tiêu chuẩn: ISO, CE"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
286	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng Sana HBI chuôi dài	Bộ	100	"Bao gồm: Đầu chỏm Bipolar, chỏm khớp, cuống khớp Pannon loại dài. * Đầu chỏm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chỏm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỳ đè giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy. - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuôi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuôi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuôi: 135o. côn 12/14 mm - Chuôi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller) - cố định tốt, chuyển tải lực phía đầu gần tốt hơn giúp xương can sớm. * Đầu Chỏm xương đùi - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). Tiêu chuẩn: ISO, CE"			
287	Khớp háng toàn phần không xi măng 12/14 chuôi phủ CaP	Bộ	200	Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, * Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm. - Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. * Liner:Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E - Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm. * Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12) * Ổ cối: Loại ổ cối Plasmafit phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3 * Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3),góc xoay đa hướng +/- 9°. Tiêu chuẩn: ISO, CE			
Lô 30: Khớp chuyển động kép							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
288	Khớp háng toàn phần chuyển động kép có 1 quai bắt vít đường kính ổ cối 41-55	Bộ	20	1) Ổ cối: Ổ cối: có 1 tai bắt vít trên bờ hướng về xương chậu và 2 vít tán bên trong ổ cối tại vị trí xương mu, chất liệu bằng thép không gỉ X18M25W toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ kép gồm 1 lớp Titanium (dày 150 ±30m) và lớp kích thích mọc xương Hydroxyapatite (dày 70 ±20µ), kích thước 41-69mm (bước tăng 2mm). Ổ cối được thiết kế theo kiểu chuyển động kép giúp tăng biên độ giao động của khớp và hạn chế trật khớp sau mổ. 2) Lót ổ cối: chuyển động kép. Vật liệu Polyethylene cao phân tử UHMWPE. Đường kính 22.2mm/28mm. 3) Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium TA6V, trên bề mặt chuôi ở phần Hành Xương được phun một lớp phủ kép bằng công nghệ plasma gồm một lớp Titanium dày 150µm và 1 lớp kích thích mọc xương Hydroxyapatite (HA) dày 80µm trên toàn bộ bề mặt chuôi. Có 8 rãnh chống lún mỗi bề mặt trước và sau; có 4 rãnh chống xoay mỗi bề mặt trước và sau, các rãnh này cho phép xương tiếp xúc với diện tích bề mặt lớn hơn. 7 gờ răng cưa trên bề mặt giữa phần Hành Xương giúp ngăn chặn sự di chuyển dọc trục của chuôi. Góc cổ thân 130 độ. Cổ chuôi đầu gắn chỏm đường kính taper 12/14. Chiều dài cổ từ 38mm-48mm. Chiều dài: 125-180mm 4) Chỏm: Vật liệu thép không gỉ. Kích cỡ 22,2mm (-2,5/0/+2,5), 28mm (-3,5/0/+3,5) 5) Vít bắt bờ ổ cối: 4 Vít tự taro. Vật liệu thép không gỉ đường kính 5mm. Chiều dài từ 20mm-70mm (bước tăng 5mm).			
289	Khớp háng toàn phần chuyển động kép có 2 quai bắt vít đường kính ổ cối 41-55	Bộ	20	1) Ổ cối: Ổ cối thiết kế chuyển động kép đặc biệt thích hợp cho phẫu thuật thay lại nhờ độ vững và khả năng giảm thiểu trật khớp. Trên vành ổ cối có 2 quai mỗi quai bắt 2 vít và 1 móc cố định nằm sau bờ ổ cối làm tăng độ vững chắc, 2 vít tán bên trong ổ cối tại vị trí xương mu và xương ngồi (vít tán có chiều dài 14mm, được phủ chất Alumina giúp giảm sự ăn mòn). Vật liệu: thép không gỉ X18M25W, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium (dày 150µ) và lớp kích thích mọc xương Hydroxyapatite (dày 70 ±20µ) lớp phủ kép này làm tăng sự ổn định và tuổi thọ của ổ cối. Kích cỡ 43mm-69mm (bước tăng 2mm). 2) Lót ổ cối: chuyển động kép. Vật liệu Polyethylene cao phân tử UHMWPE. Đường kính 22.2mm/28mm. 3) Cuống xương đùi: Vật liệu hợp kim Titanium TA6V phun một lớp phủ kép bằng công nghệ plasma gồm 1 lớp Titanium dày 150µm và 1 lớp kích thích mọc xương Hydroxyapatite (HA) dày 80µm trên toàn bộ bề mặt chuôi. Có 8 rãnh chống lún mỗi bề mặt trước và sau; có 4 rãnh chống xoay mỗi bề mặt trước và sau, các rãnh này cho phép xương tiếp xúc với diện tích bề mặt lớn hơn. 7 gờ răng cưa trên bề mặt giữa phần Hành Xương giúp ngăn chặn sự di chuyển dọc trục của chuôi. . Góc cổ thân 130 độ. Cổ chuôi đầu gắn chỏm có đường kính taper 12/14mm. Chiều dài cổ từ 38mm-48mm. Chiều dài: 125-180mm. 4) Chỏm: Vật liệu thép không gỉ. Kích cỡ 22,2mm (-2,5/0/+2,5), 28mm (-3,5/0/+3,5) 5) Vít bắt bờ ổ cối: 4 Vít tự taro. Vật liệu thép không gỉ đường kính 5mm. Chiều dài từ 20mm-70mm (bước tăng 5mm).			
Lô 31: Vật tư thần kinh sọ não							
290	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 90x90x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	5	Kích thước 90x90x0,6 mm, cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, khoảng cách lỗ vít 6 mm, vật liệu titanium loại 2; tương thích với vít 2.0 mm, xuất xứ Châu âu, tiêu chuẩn CE hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
291	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 120x120x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	5	Kích thước 120x120x0,6 mm, cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, khoảng cách lỗ vít 6 mm, vật liệu titanium loại 2; tương thích với vít 2.0 mm, xuất xứ Châu âu, tiêu chuẩn CE hoặc tương đương			
292	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 150x150x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	10	Kích thước 150x150x0,6 mm, cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, khoảng cách lỗ vít 6 mm, vật liệu titanium loại 2; tương thích với vít 2.0 mm, xuất xứ Châu âu, tiêu chuẩn CE hoặc tương đương			
293	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 200x200x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	10	Kích thước 200x200x0.6mm, cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, khoảng cách lỗ vít 6 mm, vật liệu titanium loại 2; tương thích với vít 2.0 mm, xuất xứ Châu âu, tiêu chuẩn CE hoặc tương đương			
294	Nẹp vá lỗ khoan sọ dạng tròn, đường kính 12,5 mm; 18.5 mm, độ dầy 0.6 mm	Cái	40	Nẹp tròn có 5 lỗ bắt vít, kích thước 12,5x0.6 mm; 18.5x 0.6 mm có 05 rãnh xung quanh để uốn theo chiều cong sọ, nguyên liệu titan loại 2			
295	Nẹp titan mini thẳng 16 lỗ, độ dầy 1.0 mm	Cái	30	Chất liệu titan, thẳng, 16 lỗ, dày 1.0mm, dùng với vít loại chống long HT			
296	Vít titan 2.0 sọ não các cỡ; tự khoan, tự taro	Cái	200	Chất liệu titan, đường kính 2.0mm, dài 5-7mm, loại chống long HT tự khoan, tự taro			
297	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng VP Shunt áp lực Cao/ thấp/ trung bình BMI, kích thước van 6x26 mm	Cái	10	- Van bằng Sillicone có tính linh hoạt tránh bị tình trạng dính và biến dạng. - Đế van bằng vật liệu Polypropylene ngăn kim đâm xuyên qua van khi lấy dịch. - Vòm van bằng sillicone có tính đàn hồi cao giúp sử dụng với các loại kim cỡ 25 hặc nhỏ hơn. - Có 3 loại lực: thấp/ trung bình/ cao. - Kích thước van 6x26mm. - Các catheter có tẩm chất cản quang, đường kính ngoài 2.5 mm và trong 1.3 mm. - Dây thoát dịch não thất dài 20 cm, có 4 hàng lỗ, mỗi hàng 4 lỗ thoát dịch, có 3 điểm đánh dấu chiều dài, cách nhau 5 cm. - Dây thoát dịch ổ bụng có 4 khe thoát dịch ở cuối dây dẫn, dài từ 90 - 100 cm.			
298	Bộ Catheter dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài EVD - BMI	Cái	20	Bao gồm: - Khóa 4 chiều, van chống trào ngược, hai vị trí lấy mẫu/ tiêm, vent lọc khí. Thể tích buồng dẫn lưu 50ml, thể tích túi dẫn lưu 700ml. Thang đo theo mmHg và Cm H20. - Kèm theo 1 Catheter não thất dài 35cm, đường kính ngoài 3.0mm, đường kính trong 1.6mm, có dụng cụ đặt thả catheter 38cm, trocar cỡ 10F dài 15cm.			
299	Van dẫn lưu dịch não tủy VP Shunt loại Polaris - SPVA có thể điều chỉnh áp lực, có khóa chống ngoại lực thiết kế van dạng ball in cone, 5 mức áp lực, kết nối sẵn bình chứa , bơm dịch	Cái	5	- Van có khóa chống thay đổi áp lực khi bị tác động bởi ngoại lực do va đập hoặc khi vào vùng từ trường MRI - Van Có 05 mức lực từ 30 - 70 -110 - 150 - 200 mm H2O. - Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép - Đường kính Van 16 mm - Có thể đọc trực tiếp áp lực Van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang - Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng Kèm theo: - Dây thoát dịch não thất, dài 23 cm, đường kính trong 1.3 mm đường kính ngoài 2.5 mm - Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
300	Van dẫn lưu dịch não tủy VP Shunt loại Sophy mini - SM8A, có thể điều chỉnh được áp lực, thiết kế van dạng Ball in cone, 8 mức áp lực, kết nối sẵn bình chứa , bơm dịch	Cái	5	- Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng - Van Có 08 mức lực từ 30 - 50 - 70 - 90 -110 - 140 -170 - 200 mm H2O. - Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép Đường kính van 16mm - Có thể đọc trực tiếp áp lực Van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang Kèm theo: - Dây thoát dịch não thất, dài 23 cm; đường kính trong 1.3 mm đường kính ngoài 2.5 mm - Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm			
301	Vít titan mini 2.0x6/7/9/11/13mm	Cái	100	Chất liệu titan, đường kính 2.0mm, dài 5/7/9/11/13mm, loại HT chống long, tự taro			
Lô 32: Vật tư tạo nhịp							
302	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số độ nhạy tự động, tương thích MRI	Bộ	10	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đap ứng tần số, tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với thời gian hoạt động dự tính >12,3 năm với đầy đủ chức năng chẩn đoán, kể cả các đoạn điện tim 2 kênh với tiền sử 75%. Nhịp cơ bản đến 200 n/p, thích hợp cho mọi bệnh nhân. Với chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung thất với biên độ chỉ +0,3V trên ngưỡng, với kiểm tra hiệu quả sau mỗi xung và với xung dự phòng khi tạo nhịp không thành công. Chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung ở nhĩ với biên độ chỉ +0,5V trên ngưỡng. Với độ nhạy thích ứng như trong máy phá rung ở nhĩ và thất. Với chương trình giảm tạo nhịp ở thất dùng thời gian trễ dài đến 400 ms bảo đảm có khử cực thất mỗi chu kỳ. San bằng nhịp thất khi có loạn nhịp nhĩ. Máy dày ≤6,5 mm, cỡ ≤11 cc. Dây điện cực 5,6-5,9F với chất phủ fractal Iridium trên điện cực để giúp đạt sóng cao và ngưỡng thấp.			
303	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số độ nhạy tự động, tương thích MRI	Bộ	10	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với thời gian hoạt động dự tính >16,8 năm với đầy đủ chức năng chẩn đoán, kể cả các đoạn điện tim với tiền sử 75%. Nhịp cơ bản đến 200 n/p, thích hợp cho mọi bệnh nhân. Với chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung thất với biên độ chỉ +0,3V trên ngưỡng, với kiểm tra hiệu quả sau mỗi xung và với xung dự phòng khi tạo nhịp không thành công. Với độ nhạy thích ứng như trong máy phá rung. Máy dày ≤ 6,5 mm, cỡ ≤ 10 cc Dây điện cực 5,6-5,9F với chất phủ fractal Iridium trên điện cực để giúp đạt sóng cao và ngưỡng thấp.			
304	Dây tạo nhịp tạm thời có bóng.	Bộ	20	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng 5F,loại S, đầu điện cực làm bằng chất liệu thép không gỉ, dài 110cm.			
Lô 33: Vật liệu cầm máu							
305	Sáp xương 2,5 gram	Miếng	500	Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%). Tiêu chuẩn FDA. Nước sản xuất: Châu Mỹ			
306	Vật liệu cầm máu 5x8 cm	Miếng	500	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm kích thước 5 x 7.5cm, đường kính sợi rayon 20µm đồng nhất, trọng lượng 6.2 mg/cm2 , bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) với nitrous tetra-oxide (N2O4), độ pH thấp 2.4, lượng cacboxyl (COOH) 18-21% độ bền kéo ướt 3.3 lbf, với độ hao hụt khi sấy khô 2-4 %, có tính diệt khuẩn gram dương và gram âm, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
307	Vật liệu cầm máu 7x6 cm	Gói	500	Vật liệu cầm máu dạng bông nhiều lớp kích thước 5,1 x 10,2cm, đường kính sợi rayon 20µm đồng nhất, trọng lượng 26.3 mg/cm2 , bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) với nitrous tetra-oxide (N2O4), độ pH thấp 2.4, lượng cacboxyl (COOH) 18-21% với độ hao hụt khi sấy khô < 8%, có tính diệt khuẩn gram dương và gram âm, thời gian cầm máu < 2 phút, có thể tách ra nhiều lớp, cắt, xé, cuộn lại, bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Đạt tiêu chuẩn FDA. Nước sản xuất: Bắc Mỹ			
308	Miếng Gelatin Cầm Máu Tự Tiêu Spongostan 5*7*1cm	Miếng	100	Miếng cầm máu bằng gelatin tinh chất, dạng bọt xốp màu trắng tiệt trùng, kích thước 7x5x1cm. Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm, pH trung tính, có thể sử dụng chung với thrombin. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần. Tốc độ cầm máu 2-10 phút. Tiêu chuẩn CE & CFS hoặc tương đương. Nước sản xuất: Châu Âu			
Lô 34: Lưới điều trị							
309	Tấm lưới Polypropylen 5x10 cm	Miếng	200	Mảnh ghép Polypropylene Blue sọc xanh 5x 10cm , kích thước lỗ 1.5mm, khối lượng 60g/m2, dày 0.53mm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
310	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene SP, 5x 10 cm, 97g/m^2	Miếng	200	Mảnh ghép Polypropylene Blue sọc xanh 5x 10cm , kích thước lỗ 1.5mm, khối lượng 60g/m2, dày 0.53mm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
311	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene SP, 6 x 11 cm, 97g/m^2	Miếng	500	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene SP, 6 x 11 cm, 97g/m^2			
312	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene CP, 10 x 15 cm, 47g/m^2	Miếng	200	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene CP, 10 x 15 cm, 47g/m^2			
313	Trocar nhựa trong xâm nhập thành bụng 5mm, loại đầu trong, chiều dài 100mm, có vân cố định	Cái	3,000	"Trocar các cỡ 5mm, 11mm, 12mm dài 100mm dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí - Chất liệu: * Thân: chất liệu polyamide, Polysorprene và silicon oil, có đường ren, van đóng, có rãnh cố định, van 2 mảnh tích hợp van tăng cường * Nòng: chất liệu Polyamide, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer, đầu trong dạng mũi cá heo - Van khí: 2 chiều - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, CE,Xuất xứ: G7"			
314	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 6x11 cm	Miếng	150	Lưới mềm loại nhẹ, 6,4cm x 11,4cm, thành phần polypropylen không tiêu, dùng trong điều trị thoát vị. Trọng lượng: 45g/m2, Kích thước lỗ lưới: 2,38 ± 0,03mm, lỗ lưới lớn giúp mô sẹo mềm mại và không co lưới. Đạt tiêu chuẩn FDA. Nước sản xuất: Bắc Mỹ			
315	Lưới điều trị thoát vị bẹn Polypropylene kích	Miếng	200	Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh (Phthalocyaninato (2-) copper) 7.5 x15cm , kích thước lỗ 1.5mm, khối lượng 60g/m2, dày 0.55mm., lực căng kéo dọc: 70N/cm, lực căng kéo ngang trung binh 65N/cm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.			
Lô 35: Dụng cụ phẫu thuật							
316	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55mm hoặc tương đương	Cái	50	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở 55mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 88 ghim dạng 3D làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim			
317	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 75mm hoặc tương đương	Cái	50	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở 55mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 88 ghim dạng 3D làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim			
318	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc I	Cái	6	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc Echelon Flex Endopath 45mm-60mm, đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gập góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
319	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng p	Cái	6	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc sử dụng pin 45mm - 60mm với công nghệ giữ mô bề mặt, động cơ cải tiến thay đổi tốc độ bắn với chiều dày mô khác nhau giúp tăng cường ép mô và tạo hàng ghim đồng nhất; hố đe hình thang; đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gập góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm			
320	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong	Cái	16	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đường kính 21mm/25mm/29mm/33mm, chiều dài cán 18cm, đường kính trong 12,4mm/16,4-16,5mm/20,4mm/24,4m, chiều cao ghim mở 5,2mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh 1,5-2,2mm; chất liệu ghim bằng hợp kim titan (Ti3Al2,5V hoặc Ti6Al4V), núm điều chỉnh cho khả năng điều chỉnh linh hoạt chiều cao ghim đóng phù hợp với độ dày mô khác nhau			
321	Dụng Cụ Khâu Cắt Đầu Cong Contour Proxi	Cái	3	Dụng cụ khâu cắt cong Contour 40mm màu xanh dương, dùng cho mô thường, đường cắt 40mm, hai hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim mở 3,5mm/4,7mm, chiều cao ghim đóng 1,5mm/2,0mm			
322	Dụng cụ khâu nối ruột	Cái	20	Dụng cụ khâu nối vòng dùng pin Echelon Circular, với 2 vòng băng ghim, đường kính trong 12.4-22.5mm, chiều cao ghim mở 5.2mm, chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh cho phù hợp với độ dày mô khác nhau 1,5-2,2mm. Ghim được thiết kế dạng 3D, làm bằng hợp kim Titanium giúp lực phân bố đồng đều, chắc chắn. Bề mặt băng đạn có thiết kế công nghệ chống trượt GST. Dụng cụ được tích hợp pin để bắn băng đạn giúp ổn định đầu xa. Màn hình hiển thị chiều cao ghim đóng, kèm đèn chỉ thị khi quá trình bắn hoàn tất			
323	Dụng cụ nội soi đa năng	Cái	5	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc sử dụng pin dùng cho mạch máu Echelon Flex 35mm, đường kính cán 9-12mm, chiều dài cán 32cm, gập góc mỗi bên 50 độ, đầu cong, tù, rộng 7,0mm			
324	Băng đạn cho mổ hở dài 55mm phù hợp cho dụng cụ khâu cắt	Cái	50	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở 55mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 88 ghim dạng 3D làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim			
325	Băng đạn cho mổ hở dài 75mm phù hợp cho dụng cụ khâu cắt	Cái	50	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở 75mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 118 ghim dạng 3D làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim			
326	Băng đạn dụng cụ cắt nội soi đa năng	Cái	5	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc sử dụng pin dùng cho mạch máu Echelon Flex 35mm màu trắng dùng cho mạch máu/ mô mỏng, 4 hàng ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V), chiều cao ghim mở 2,5mm, chiều cao ghim đóng 1,0mm			
327	Băng đạn dụng cụ cắt nối nội soi đa năng	Cái	20	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc sử dụng pin dùng cho mạch máu Echelon Flex 35mm màu trắng dùng cho mạch máu/ mô mỏng, 4 hàng ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V), chiều cao ghim mở 2,5mm, chiều cao ghim đóng 1,0mm			
328	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng n	Cái	6	Băng ghim của Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở 75mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, 118 ghim dạng 3D làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với 6 hàng ghim			
329	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng n	Cái	24	Băng ghim với công nghệ giữ mô bề mặt 45mm-60mm, 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V), chiều cao ghim mở 2,6mm/3,6mm/3,8mm /4,1mm. Chiều cao ghim đóng 1,0mm/1,5mm/1,8mm/2,0mm.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
330	Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội	Cái	54	Băng ghim với công nghệ giữ mô bề mặt 45mm-60mm, 6 hàng ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V), chiều cao ghim mở 2,6mm/3,6mm/3,8mm /4,1mm. Chiều cao ghim đóng 1,0mm/1,5mm/1,8mm/2,0mm.			
331	Dao siêu âm harmonic focus, dài 9cm, dùng trong mổ hở mổ bứu cổ	Cái	10	Dao siêu âm mổ mở 9cm với Công nghệ thích ứng mô, kết hợp với dây dao màu xanh Harmonic và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến). Đầu dao cong, thon, dài 16mm cho phép kẹp giữ mô, phẫu tích, hàn và cắt mô chính xác. Độ mở hàm trên 10,4mm.			
332	Dao siêu âm harmonic focus, dài 17cm, dùng trong mổ hở kết hợp với dây dao	Cái	10	Dao siêu âm mổ mở 17cm với Công nghệ thích ứng mô, kết hợp với dây dao màu xanh Harmonic và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến). Đầu dao cong, thon, dài 16mm cho phép kẹp giữ mô, phẫu tích, hàn và cắt mô chính xác. Độ mở hàm trên 10,4mm.			
333	Dao siêu âm harmonic ACE, 5mm, dài 23cm, dùng trong mổ mở kết hợp với dây dao	Cái	10	Dao siêu âm 23cm với Công nghệ thích ứng mô cho phản hồi bằng âm thanh và chức năng cầm máu ưu việt, đường kính cán 5mm, kết hợp với dây dao Harmonic và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến). Lưỡi dao bằng hợp kim titan phủ lớp chống dính, chiều dài hàm dao 15mm, độ mở hàm 10mm. Cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay.			
334	Dao siêu âm harmonic ACE, đường kính 5mm, lưỡi cong, dài 36cm, dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	10	Dao siêu âm mổ nội soi 36cm với Công nghệ thích ứng mô cho phản hồi bằng âm thanh và chức năng cầm máu ưu việt, đường kính cán 5mm, kết hợp với dây dao , Harmonic và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến). Lưỡi dao bằng hợp kim titan phủ lớp chống dính, chiều dài hàm dao 15mm, độ mở hàm 10mm. Cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay.			
335	Dao siêu âm Harmonic nội soi 36cm	Cái	5	Dao siêu âm cán dài 36cm gồm tay cầm tiện dụng được tích hợp với dây dao và hai nút truyền năng lượng để phẫu tích, kẹp giữ, làm đông, và cắt giữa lưỡi dao và tay kẹp cho các mạch máu có đường kính tối đa 7mm. Dụng cụ có một tay kẹp và một lưỡi cong phủ lớp chống dính lưỡi dao rộng phẳng cong dài 18mm, độ mở hàm 12mm tương thích máy GEN11 hoặc tương đương			
336	Dao siêu âm Harmonic mổ hở 20cm	Cái	3	Dao siêu âm cán dài 20cm gồm tay cầm tiện dụng được tích hợp với dây dao và hai nút truyền năng lượng để phẫu tích, kẹp giữ, làm đông, và cắt giữa lưỡi dao và tay kẹp cho các mạch máu có đường kính tối đa 7mm. Dụng cụ có một tay kẹp và một lưỡi cong phủ lớp chống dính lưỡi dao rộng phẳng cong dài 18mm, độ mở hàm 12mm tương thích máy GEN11 hoặc tương đương			
337	Dây dao Harmonic HP054	Cái	3	Dây dao cho phép chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, kết hợp với máy phát chính GEN11.Tần số dao động: 55,500 lần/giây			
338	Dây dao Harmonic màu xanh HPBLUE	cái	3	Dây dao màu xanh cho phép chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, kết hợp với máy phát chính Gen11 và tương thích với Harmonic Focus+, Harmonic Focus+ cán dài và Harmonic Synergy Tần số dao động: 55,500 lần/giây			
339	Dao lưỡng cực lưỡi cong 3mm, đường kính 5mm, dài 14cm/ 25cm/35cm	Cái	6	Dao hàn mạch Enseal X1 hàm cong công nghệ thích ứng mô dùng tương thích với máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến), có chiều dài hàm 24mm,độ mở hàm 17,2mm,phủ silicon chống dính, chiều dài cán 25cm-37cm, cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay với chức năng cắt hàn riêng biệt.			
340	Dạo lưỡng cực lưỡi cong 3mm, đường kính 5mm, dài 35cm/ gập góc 55^0	Cái	6	Dao hàn mạch Enseal X1 hàm cong công nghệ thích ứng mô dùng tương thích với máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực tiên tiến), có chiều dài hàm 24mm,độ mở hàm 17,2mm,phủ silicon chống dính, chiều dài cán 37cm, cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay với chức năng cắt hàn riêng biệt.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
341	Dây dao dùng cho dao siêu âm mổ hở	Cái	1	Dây dao màu xanh cho phép chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, kết hợp với máy phát chính Gen11 và tương thích với Harmonic Focus+, Harmonic Focus+ cán dài và Harmonic Synergy Tần số dao động: 55,500 lần/giây			
342	Dây dao siêu âm nội soi	Cái	1	Dây dao cho phép chuyển đổi năng lượng điện thành năng lượng cơ học, kết hợp với máy phát chính GEN11.Tần số dao động: 55,500 lần/giây			
343	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ	Cái	1,000	"Hệ thống clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ, kích thước khi mở ngàm: 7.8 mm-18.03 mm, khi đóng ngàm: 1.96-2.49± 0.05-0.15/0.07 mm. Là hệ thống clip kẹp lạnh, không lan truyền nhiệt đến các cơ quan quan trọng. Chất liệu polymer không tan, không làm ảnh hưởng đến CT, MRI, X-ray. Sử dụng được trong phẫu thuật với Robot, có công nghệ khoá an toàn với âm thanh phản hồi, có mấu chống trượt với chân bám 360 độ, gai dọc thân clip và cơ chế khoá đầu clip. Cơ chế gặp mở linh hoạt, kẹp được mạch máu từ 2-16mm, đi qua trocar 5mm và 10mm, mở ngàm rộng sau khi xuyên qua trocar, giảm thiểu vết thương. Kích thước mạch máu có thể kẹp: size M từ 2-7 mm, size ML từ 3-10 mm, size L từ 5-13 mm, size XL từ 7-16mm tương đương Hem-o-lok. Phân loại kích cỡ theo màu sắc: M-màu xanh dương, ML- màu xanh lá, L- màu tím, XL-màu đồng. Tiêu chuẩn CFG-FDA, ISO. Tương thích với kìm mổ nội soi có trong bệnh viện ML(544965),L(544995)."			
344	Clip mạch máu cỡ nhỏ	Cái	120	Clip kẹp mạch titan Ligaclip Extra cỡ nhỏ, 6 clip/ vỉ (gói), vỉ màu xanh dương, độ mở clip 3mm, chiều dài clip khi đóng 3,63mm			
345	Clip mạch máu cỡ trung bình	Cái	120	Clip kẹp mạch titan cỡ trung bình, dùng trong mổ mở hoặc nội soi, 6 clip/ vỉ (gói), vỉ màu bạc, độ mở clip 4mm, chiều dài clip khi đóng 5,33mm			
346	Clip mạch máu cỡ trung bình	Cái	60	Clip kẹp mạch titan cỡ trung bình, dùng trong mổ mở hoặc nội soi, 6 clip/ vỉ (gói), vỉ màu bạc, độ mở clip 4mm, chiều dài clip khi đóng 5,33mm			
347	Clip mạch máu cỡ lớn	Cái	60	Clip kẹp mạch titan cỡ lớn, dùng trong mổ mở hoặc nội soi, 6 clip/ vỉ (gói), vỉ màu vàng, độ mở clip 7,5mm, chiều dài clip khi đóng 12,26mm			
348	Clip kẹp mạch máu cỡ 300, 400	Cái	50	Clip kẹp mạch titan cỡ trung bình-lớn, dùng trong mổ mở hoặc nội soi, 6 clip/ vỉ (gói), vỉ màu xanh lá, độ mở clip 6,4mm, chiều dài clip khi đóng 8,99mm			
349	Kềm kẹp clip mạch máu, 10mm, dùng trong phẫu thuật nội soi kẹp clip cỡ lớn và trung bình lớn	Cái	10	"Kiềm kẹp clip polymer mổ nội soi cỡ L, dài 32 cm, đầu thẳng, đường kính 10mm, có thiết kế núm xoay lớn, cho phép thao tác xoay nhẹ nhàng, tạo điều kiện thuận lợi trong thao tác và quan sát, được mã hóa theo màu- màu tím. Tương thích hệ thống clip kẹp mạch máu polymer Hem-o-lok cỡ L-544240-màu tím. Tiêu chuẩn FDA, ISO"			
350	Kìm kẹp clip đơn cỡ nhỏ mổ mở	Cái	10	Kìm kẹp clip đơn tái sử dụng , tay cầm màu xanh dương, cán dài 19,05cm, hàm góc 15 độ, dùng cho clip cỡ nhỏ. Mặt trong của hàm có thiết kế rành tăng tính an toàn của clip trong hàm. Dạng hàm góc giúp quan sát tổ chức sống tốt hơn.			
351	Kìm kẹp clip đơn cỡ trung bình mổ mở	Cái	10	Kìm kẹp clip đơn tái sử dụng, tay cầm màu bạc, cán dài 19,05cm, hàm góc 15 độ, dùng cho clip cỡ trung bình. Mặt trong của hàm có thiết kế rành tăng tính an toàn của clip trong hàm. Dạng hàm góc giúp quan sát tổ chức sống tốt hơn.			
352	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi	Cái	10	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi sử dụng nhiều lần			
353	Kéo mổ nội soi cong 5mm	Cái	6	Kéo nội soi lưỡi cong, đường kính 5mm, dài 33cm, có thể kết nối đốt đơn cực			
Lô 36: Dụng cụ cắt trĩ							

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
354	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	Cái	600	1. Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1 2. Thông số kỹ thuật: - Cỡ 33 mm và 34 mm - Đường kính lòng cắt 26 mm - Số lượng ghim: 34 ghim - Chiều cao ghim mở 3.8 mm, chiều cao ghim đóng 0.75 mm-1.5 mm - Đường kính ghim: 0.28mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Thiết kế an toàn kép trước khi bắn - Đầu đe không tháo rời, buồng chứa dịch trong suốt - Ống nong hình tròn và ống nong hình cánh bướm 4. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE và FDA 510K			
Lô 37: Dụng cụ tái tạo dây chằng chéo							
355	Dây dẫn nước trong nội soi	Cái	100	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mổ ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (khoảng 4.8 m). Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			
356	Lưỡi bào nội soi khớp	Cái	50	Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai. Đường kính 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm. Có đánh dấu bằng laser độ sâu trên thân lưỡi bào, mỗi vạch cách nhau 5mm, độ sâu tối đa đo được là 35mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			
357	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio các cỡ	Cái	50	Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không rỉ 304, điện cực được làm bằng thép không rỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bọt phẫu thuật được làm bằng Ceramic Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF) giúp cắt và cầm máu mô mềm nhanh chóng. Đầu đốt 90 độ giúp dễ dàng tiếp cận mô một cách nhanh chóng. Dễ dàng sử dụng và điều khiển bằng tay. Chỉ một mặt điện cực hoạt động nên cho phép thời gian sử dụng bền. Có 6 cổng để hút một cách hiệu quả, loại bỏ bọt nước trong phẫu thuật. Chiều dài 160mm, đường kính 3.75mm Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
358	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo	Cái	50	Vật liệu: Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. Kèm vòng chỉ dẹt trắng xanh hoặc trắng đen 2.0mm siêu bền, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo swivelock để khâu các mô mềm, gân, dây chằng. Chỉ dẹt siêu bền có khả năng chống đào thải mô tốt hơn 27% so với các loại chỉ khác. Kích thước: vít neo 4.75 x 19.1mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			
359	Vít neo cố định dây chằng	Cái	50	Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) Thiết kế các lỗ thông giúp kích thích mọc xương và lưu thông máu Kích thước: vít neo 4.75 x 19.1mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			
360	Vít chốt neo điều chỉnh chiều dài các cỡ	Cái	30	Vật liệu: vít treo bằng Titanium, vòng treo bằng chỉ siêu bền (UHMWPE) Kích thước: vít treo (dài x rộng x cao): 13mm x 3.4mm x 1.5mm, khoảng cách giữa 2 lỗ luồn chỉ: 3.48mm, vòng treo: 11mm tới hơn 60mm (điều chỉnh được chiều dài) Sử dụng được cho mảnh ghép gân chân ngỗng (hamstring) và mảnh ghép gân bánh chè (BTB). Khả năng chịu lực tối đa lên tới 980N. Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. Vít treo có 4 điểm khoá không thắt nút tích hợp sẵn giúp dễ dàng thao tác, tránh nhiễm khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			
361	Chỉ đặc biệt siêu bền	Cái	30	Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bện của Polyester và UHMWPE giúp cho chỉ khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn, phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. Lõi chỉ được thiết kế riêng cho khả năng thao tác và chịu lực vượt trội. Thân chỉ màu xanh dễ quan sát. Chỉ dài 38inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động). Lực tải tối đa đạt 88lb. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.			
362	Kim chọc dò bơm xi măng vào thân đốt sống cỡ 11G, 13G, dài 125mm	Cái	15	Kim chọc dò các cỡ -Vật liệu: Thép nguyên chất, đầu kim cương, cán nhựa, chịu nhiệt. - Đường kính: 11G, 13G, 2.4mm, 3.0mm. - Chiều dài: 125mm. Đầu kim vát 3 cạnh có 4 kích cỡ 9 đến 15 Gauge. - Dùng để nhồi xi măng vào vít bơm xi măng, tránh xi măng trào ngược. * Đóng gói: cái/hộp, chính hãng sản xuất.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
363	Bộ trộn và phân phối xi măng đóng gói tiệt trùng sẵn	Bộ	7	Bộ trộn xi măng cột sống áp lực đẩy * Chất liệu: Nhựa và hợp kim y tế Bao gồm các bộ phận sau: - 01 Bộ trộn hình trụ dùng để trộn xi măng - 01 cây trộn đánh nhuyễn xi măng dạng lò xo co giãn. - Dung tích bộ trộn >20cc. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: Cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
364	Xi măng hóa học tạo hình thân đốt sống	Lọ	1	Xi măng cột sống Spinefix - Xi măng xương dùng trong tạo hình thân đốt sống - Xi măng gồm có: 1 lọ bột xi măng 21g + 1 lọ thủy tinh chứa dung môi 9.2g. Thành phần hóa học của xi măng xương PMMA (polymetyl-metaacrylat) gồm: Bột Polimer chứa hạt HA (Hydroxyapatite) và dung dịch Monomer (dung dịch microdispersed). + Hàm lượng gói bột 21g: 64.4% Polymethyl Methacrylate; 0,6% Benzoyl Peroxide; 25% Barium Sulfate và 10% Hydroxyapatite. + Hàm lượng lọ thủy tinh chứa dung môi 9.2g: 97.6% Methyl Methacrylate; 2.4% N-N dimethyl-p-toluidine; 20ppm Hydroquinone. * Tính tương hợp sinh học cao nhờ thành phần Hydroxyapatite * Tác nhân cản quang: 35% (25% BaSO4 + 10% HA) * Sản phẩm có độ nhớt an toàn trong giai đoạn tiêm phù hợp và an toàn để tránh rò rỉ vào vùng nhạy cảm khi bơm vào xương sống. * Đóng gói: gói/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
Lô 38: Đĩa đệm cột sống							
365	Đĩa đệm cột sống cổ bằng vật liệu Peek loại FIDJI	Cái	10	Đĩa đệm cột sống cổ các cỡ - Chất liệu: Peek. - Chiều cao: 5, 6 ,7, 8, 9, 10, 11, 12mm. - Chiều rộng: 13mm. - Chiều dài: 12mm. - Góc nghiêng: 5°. - Hợp chất cao phân tử, không cảm quang, tương thích sinh học cơ thể. - Đặc tính kỹ thuật: Bề mặt có răng cưa hình tháp nghiêng ngăn ngừa di lệch, có ít nhất 3 vạch đánh dấu Tantalum để định vị, có 1 khoang giữa để ghép xương. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
366	Đĩa đệm cột sống lưng thắt lưng bằng vật liệu Peek, loại FIDJI các cỡ	Cái	10	Đĩa đệm cột sống thắt lưng dạng cong, các cỡ - Chất liệu: PEEK. - Hợp chất cao phân tử, không cảm quang, tương thích sinh học cơ thể. - Đầu vào hình hạt đậu, có ít nhất 3 vạch cản quang bằng Tantalum, dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn, đường TLIF. - Độ nghiêng 10°-15°, độ ưỡn 0° và 5°, góc xoay đóng đĩa: 90°. - Chiều rộng: 10mm và 12mm, chiều dài 27/30/33mm, chiều cao: 7mm - 15mm. - Đĩa đệm có hình dáng cong theo cấu trúc khoang đĩa đệm, trên thân có hệ thống răng ngược giúp chống trôi trượt. - Có 1 khoang ghép xương, thể tích nhồi xương từ 0,56cc đến 2.93cc. Có thể đặt bất kỳ vị trí nào từ 10° - 90° từ trục của cây đĩa đệm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
367	Nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5, dài 40->90mm	Cái	5	Thanh dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn CTS-5.5 MIS Curved Rod - Vật liệu: hợp kim Titanium. - Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm. - Một đầu thanh dọc nhọn để luồn xuyên qua da và cơ, một đầu lắp dụng cụ để điều chỉnh hướng vào của thanh dọc. - Dài từ 50 đến 120mm, bước tăng 5mm. - Dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn, kỹ thuật bắt vít qua da và bơm xi măng. - Tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
368	Nẹp ngang cột sống cổ	Cái	1	Thanh nối ngang cột sống cổ lồi sau - Vật liệu: Titanium - Đường kính: 3.5mm. - Chiều dài từ 40mm đến 75mm, mỗi bước tăng 5mm. - Xoay đa chiều, uốn và chiều dài điều chỉnh được. - Cố định với thanh dọc bằng 2 vít khóa. - Dùng với thanh dọc đường kính 3.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
369	Nẹp ngang cột sống lưng tương thích với vít đơn trục, cít đa trục có 2 đầu: bén+ tù	Cái	2	Thanh nối ngang đa chiều dài 50-85mm Cross Link-A CSS-5.5 - Chất liệu: Titanium. - Đường kính 5.5mm. - Chiều dài: 50 - 85mm. - Xoay đa chiều và chiều dài điều chỉnh được, hai đầu móc hình cong chữ C, giúp đảm bảo ổn định sự kết nối vững chắc. - Cố định với thanh dọc bằng 2 vít khóa. - Dùng chung với vít, ốc khóa trong và thanh dọc đường kính 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
370	Nẹp nối ngang cột sống lưng đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	5	Thanh nối ngang đa chiều Cross Link- B CTS-5.5 - Chất liệu: Titanium. - Chiều dài: 50 - 85mm. - Xoay đa chiều, uốn và chiều dài điều chỉnh được. - Cố định với thanh dọc bằng 2 vít khóa. - Dùng chung với thanh dọc đường kính 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
371	Vít cột sống cổ	Cái	10	Vít xốp đa trục cột sống cổ sau góc nghiêng 45 độ - Vật liệu: Titanium. - Đường kính: 4.0mm. - Chiều dài: 20mm-52mm, mỗi bước tăng 2mm. - Đầu vít nhọn, tự taro. - Nghiêng 45 độ, cho phép quay 60 độ hoặc 30 độ theo bất kỳ hướng nào. - Dùng với thanh dọc đường kính 3.5mm và ốc khóa trong. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
372	Vít đa trục dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da các cỡ	Cái	10	Vít đa trục rỗng lòng dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn - Vật liệu: Titanium. - Độ nghiêng tối thiểu: 25°, góc xoay 60°. - Cấu tạo rỗng lòng, đầu vít có ít nhất 4 lỗ để xi măng vào thân sống. - Đường kính: 5.0mm - 7.5mm, với mỗi bước tăng 0.5mm. - Chiều dài từ 25 đến 90mm, với mỗi bước tăng 5mm. - Thân vít xoắn ốc đa hướng tự taro. Cánh ren đôi trên thân vít, chia làm 2 phần: + Ren lớn cho đầu vít vào dễ dàng. + Ren nhỏ làm bám chắc chân cung. - Công nghệ bước ren đôi, (khả năng chống nung nóng và oxy hóa cao) tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống. - Dùng với nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm nếu bắt vít qua da kèm vít khóa trong. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC. * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
373	Vít đa trục cột sống cổ các cỡ	Cái	40	Vít xốp đa trục cổ lối sau - Vật liệu: Titanium. - Đường kính: 3.5mm-4.0mm. - Chiều dài: 8mm-34mm, mỗi bước tăng 2mm. - Đầu vít nhọn, tự taro. - Nghiêng 30 độ so với phương thẳng đứng, cho phép quay 60 độ hoặc 30 độ theo bất kỳ hướng nào. - Dùng với thanh dọc đường kính 3.5mm và ốc khóa trong. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
374	Vít đa trục cột sống lưng bằng titanium các cỡ	Cái	15	Vít đa trục cột sống lưng ren đôi các loại, các cỡ - Chất liệu: Titanium. - Đường kính các cỡ vít: 4.0mm - 8.0mm, với mỗi bước tăng 0.5mm. - Chiều dài từ 25 đến 85mm, với mỗi bước tăng 5mm. - Góc xoay đa hướng 40°. - Vít tự ta rô, đuôi vít nhỏ, góc dao động đến 52 độ. - Thân vít kiểu bước ren dẫn đôi, chia ren đôi làm 2 phần: + Ren lớn cho đầu vít vào dễ dàng. + Ren nhỏ làm bám chắc chân cung. - Công nghệ bước ren đôi làm chắc chân cung, tương thích với hợp chất Chromaloy (khả năng chống nung nóng và oxy hóa cao). - Dùng chung với thanh dọc đường kính 5.5mm và ốc khóa trong. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
375	Vít đơn trục cột sống lưng bằng titanium các cỡ	Cái	5	Vít đơn trục cột sống lưng ren đôi các loại, các cỡ - Chất liệu: Titanium. - Đường kính các cỡ vít: 4.0mm - 7.5mm, với mỗi bước tăng 0.5mm. - Chiều dài từ 25mm đến 60mm, với mỗi bước tăng 5mm. - Thân vít xoắn ốc, đơn hướng tự taro. - Thân vít kiểu bước ren dẫn đôi, chia ren đôi làm 2 phần: + Ren lớn cho đầu vít vào dễ dàng. + Ren nhỏ làm bám chắc chân cung. - Công nghệ bước ren đôi làm chắc chân cung, tương thích với hợp chất Chromaloy (khả năng chống nung nóng và oxy hóa cao). - Dùng chung với thanh dọc đường kính 5.5mm và ốc khóa trong. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
376	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da	Cái	10	Ốc khóa tự gãy dùng cho bắt vít qua da, bơm xi măng - Vật liệu: Titanium. - Kích cỡ: Nhỏ, đơn giản, đường kính nhỏ 3.7mm x 9mm. - Có thiết kế ren ốc 1 chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. - Được thiết kế đầu khóa hình ngôi sao tránh tuôn và trượt khi siết chặt. - Đầu vít khóa dạng hình ngôi sao tránh tuôn và trượt khi siết chặt dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn, tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tủy sống, - Sử dụng với vít cột sống đa trục rỗng nòng qua da, bơm xi măng và nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
377	Vít khóa trong cột sống cổ	Cái	40	Ốc khóa trong cột sống cổ lối sau - Vật liệu: Titanium. - Đường kính: 6mm. - Chiều cao: 1.7mm. - Có thiết kế ren ốc một chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. - Được thiết kế đầu khóa hình ngôi sao tránh tuôn và trượt khi siết chặt. - Dùng với vít đa trục cột sống cổ lối sau có đường kính 3.5mm, 4.0mm và thanh dọc đường kính 3.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC. * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
378	Vít khóa trong cột sống lưng	Cái	20	Ốc khóa trong cột sống lưng các loại, các cỡ - Chất liệu: Titanium. - Kích cỡ: Nhỏ, đơn giản, đường kính 3.7mm x 9mm. - Có thiết kế ren ốc 1 chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. - Vít khóa trong có vòng trong hình ngôi sao tối ưu hóa việc siết chặc ốc vít. - Dùng với vít và thanh dọc đường kính 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
379	Vít khóa trong cuộc sống lưng đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	25	Ốc khóa trong cột sống lưng các loại, các cỡ - Chất liệu: Titanium. - Kích cỡ: Nhỏ, đơn giản, đường kính 3.7mm x 9mm. - Có thiết kế ren ốc 1 chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. - Vít khóa trong có vòng trong hình ngôi sao tối ưu hóa việc siết chặc ốc vít. - Dùng với vít và thanh dọc đường kính 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
380	Vít đa trục cột sống lưng, đk 4 > 7mm, dài 25 - 90mm, đóng gói tiệt trùng	Cái	10	Vít đa trục cột sống lưng, ngực - Chất liệu: Titanium. - Đường kính các cỡ vít: 4.0mm - 8.0mm, mỗi bước tăng 0.5mm. - Chiều dài từ 25 đến 85mm, mỗi bước tăng 5mm. - Thân vít xoắn ốc, đa hướng góc xoay 40°, tự taro, kiểu ren đơn. - Đuôi vít có 3 rãnh, mũ vít có 2 lỗ dùng trong nắn chỉnh cột sống, liên kết bước ren dạng ren đơn với vít khóa trong giúp tăng sức bền vật liệu. - Dùng với thanh dọc đường kính 5.5mm và ốc khóa trong. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
Lô 39: Dụng cụ phẫu thuật longo							
381	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	Cái	600	Dụng cụ khâu cắt trĩ công nghệ DST. Đường kính 33mm, 32 ghim titanium nguyên chất. Chiều cao ghim 3.5mm và 4.8mm. - Đầu đe rời, ống soi trong suốt, có chia vạch. - Cầu ngang (cầu soi hậu môn) giúp xác định vị trí đường lược Tiêu chuẩn CE, FDA. Xuất xứ: G7 2CFS			
Lô 40: Vật tư dùng cho phẫu thuật kế hợp xương							
382	Bộ nong thân đốt sống, áp lực 400psi, tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh	Cái	30	Bóng nong dùng trong tạo hình thân đốt sống - Bóng chịu lực tối đa 300psi. - Kích thước: từ 10 - 20 x 3mm. - Có 2 điểm cản quang. - Quả bóng phục hồi hình thái học đốt sống nguyên vẹn và tạo một khoang để bơm xi măng chất lỏng từ thiết bị điều áp sau khi chèn ở thân đốt sống bị tổn thương. - Nhỏ gọn và một số thành phần đơn giản trong bộ. - Dễ sử dụng. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC. * Đóng gói: cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
383	Bộ dụng cụ đưa xi măng vào thân đốt sống, đường kính 3mm, tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh	Cái	50	Kim đẩy xi măng vào thân sống - Vật liệu: Hợp kim y tế, kim đẩy xi, cán chữ T và nòng (trocar). - Kích thước: 3.4 x 120mm. - Có thanh đánh dấu giúp cân bằng lượng xi măng bơm vào thân cột sống. - Tay cầm chuck có thể khóa. - Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. - Dùng để đẩy xi măng vào thân cột sống, tránh xi măng trào ngược. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
384	Bộ trộn và phân phối xi măng sinh học có độ quánh cao có kháng sinh, có cản quang	Cái	30	Bộ trộn xi măng cột sống ap lực đẩy * Chất liệu: Nhựa và hợp kim y tế Bao gồm các bộ phận sau: - 01 Bộ trộn hình trụ dùng để trộn xi măng - 01 cây trộn đánh nhuyễn xi măng dạng lò xo co giãn. - Dung tích bộ trộn >20cc. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: Cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
385	Bộ kim và mũi khoan đốt sống	Cái	30	Kim khoan tạo rãnh vào thân sống - Vật liệu: Hợp kim y tế. - Kích thước: 3.5 x 120mm. - Dùng để tạo rãnh khoan vào thân cột sống hỗ trợ bơm bóng tạo hình thân sống. - Tay cầm cán chữ T. - Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/ gói, chính hãng sản xuất.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
386	Bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm xi măng sinh học tạo hình thân sống có độ quánh cao có kháng sinh, có cản quang	Cái	30	Bộ bơm áp lực đồng hồ kiểm soát dùng tạo hình thân cột sống - Dạng xilanh có đồng hồ thể hiện áp lực thể hiện qua màn hình LCD cho biết mức áp suất được sử dụng để phục hồi xương cột sống. Áp suất tối đa cho phép 300psi. - Có khóa điều chỉnh tăng, giảm áp - Bộ xử lý áp suất cách tân xử lý ổn định và chính xác. - Có thang đánh dấu mạch đo lường giúp dự đoán lượng xi măng theo yêu cầu với lượng chất lỏng bơm vào thân sống. - Nhỏ gọn và một số thành phần đơn giản trong bộ. - Dễ sử dụng. * Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: bộ/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
387	Kim chọc dò cuống sống 11G	Cái	30	Kim chọc dò các cỡ -Vật liệu: Thép nguyên chất, đầu kim cương, cán nhựa, chịu nhiệt. - Đường kính: 11G, 13G, 2.4mm, 3.0mm. - Chiều dài: 125mm. Đầu kim vát 3 cạnh có 4 kích cỡ 9 đến 15 Gauge. - Dùng để nhồi xi măng vào vít bơm xi măng, tránh xi măng trào ngược. * Đóng gói: cái/hộp, chính hãng sản xuất.			
388	Kim chọc dò cuống sống cột sống lưng	Cái	30	Kim vát số 1 dẫn đường cuống cung dùng trong bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng - Vật liệu: Hợp kim y tế, kim mũi vát, cán chữ T và nòng (trocar). - Kích thước: 3.0 x 120mm. - Dùng để xuyên qua lớp vỏ xương cứng của cuống nhỏ của phần đốt sống bị tổn thương. - Phát hiện cảm quang trên thân kim khi chụp tia-X. - Tiêu chuẩn dành cho thủ thuật đốt sống dưới da. - Góc xiên được thiết kế để dễ dàng thâm nhập qua vỏ xương. - Tay cầm chuck có thể khóa. - Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. - Dùng với hệ thống bơm xi măng có bóng. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/hộp, tiệt trùng chính hãng sản xuất.			
389	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Cái	30	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrence-copolymer 68%, Benzonyl peroxide 2% và 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cản quang, thời gian làm việc trung khoảng 8 phút ở 22 độ C.			
390	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng các cỡ	Cái	30	Vật liệu: Hợp kim Titan. Đường kính 4.75mm, chiều dài 500mm, loại thẳng. Có đường kẻ dọc trên thân để đánh dấu. Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong tự gãy có đường kính 7.863 mm, chiều cao ban đầu 12.96 mm, chiều cao còn lại sau khi vặn đủ lực là 4.85 mm			
391	Vít đa trục cánh ren ngược các cỡ	Cái	50	Vật liệu: Hợp kim Titanium với mũ vít bằng Cobalt Chrome, đầu vương miện Titanium. Đường kính từ 4.0 đến 6.0mm với bước tăng 0.5mm và đường kính 6.5 đến 8.5mm với bước tăng 1mm, phân biệt được bằng màu sắc. Chiều dài từ 20mm-60mm. Chiều cao mũ vít 14.8mm. Chiều rộng phần mũ vít 10.43mm. Vít có 2 bước ren: phần ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm.. Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít. Đồng bộ với ốc khóa trong tự gãy có chiều cao ban đầu là 12.96mm và nẹp dọc đường kính 4.75mm.			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
392	Vít khóa trong tự ngắt, tự đo lực, cánh ren ngược dùng cho vít đa trục, cánh ren ngược	Cái	30	Ốc khóa trong cột sống lưng các loại, các cỡ - Chất liệu: Titanium. - Kích cỡ: Nhỏ, đơn giản, đường kính 3.7mm x 9mm. - Có thiết kế ren ốc 1 chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. - Vít khóa trong có vòng trong hình ngôi sao tối ưu hóa việc siết chặt ốc vít. - Dùng với vít và thanh dọc đường kính 5.5mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; EC93/42 EEC * Đóng gói: cái/gói, chính hãng sản xuất.			
Lô 41: Quả lọc máu liên tục							
393	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin Oxi	Quả	900	"Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + PolyethyleneImine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg"			
394	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M100	Quả	500	"Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mồi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml ±10% - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
395	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương Prismaflex T	Quả	500	"Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml ±10% - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m2 - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 µm - Độ dày thành sợi lọc: 150 µm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml ±10% - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút"			
Lô 42 : Quả lọc thận nhân tạo							
396	Quả lọc thận nhân tạo middleflux F7HPS với 02 nắp đậy màng lọc chất liệu Polysulfone, diện tích màng 1,6 m2, hệ số siêu lọc 16ml/giờ xmmHg tiệt trùng bằng hơi nước	Quả	15,000	Diện tích màng 1.6 m2 Chất liệu màng: Polysulfone Hệ số siêu lọc: 16 ml/giờxmmHg Thể tích mồi: 96 ml Độ dày thành (µm): 40 Đường kính trong (µm): 200 Áp xuất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 Tốc độ bơm máu: 200-500 mL/phút. Với lưu lượng máu 300mL/phút thì độ thanh thải Urea (247), Creatinine (220), Phosphate (186), B12 (113) Tiệt trùng: Hơi nước trong lòng sợi (inline steam) Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương			
397	Quả lọc Helixone FX Cordiac 80 kèm theo 2	Quả	7,000	Màng High flux - Chất liệu màng: Helixone Plus - Diện tích màng: 1,8 m2 - Chất liệu vỏ bọc: Polypropylene - Thể tích mồi: 95 ml. - Áp lực xuyên màng (TMP): 600 mmHg. - Độ thanh thải ở tốc độ máu 300 ml/phút: Urea 280, Creatinine 261, Phosphate 248, Inulin 127, Cytochrome C 111 - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 64 (ml/h x mmHg) - Hệ số sàng lọc: Beta2 - microglobulin= 0,9, Albumin <0,001 - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước trong lòng sợi (Inline steam) - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương			
Lô 43: Quả lọc thận							
399	Quả lọc thận 1,5m^2 sợi polynephron	Quả	1,000	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không Bisphenol-A(BPA), không DEHP. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Diện tích: 1,5 m2. Hệ số siêu lọc: KUF ≥ 67 (mL/giờ/mmHg). Tiệt trùng: Tia Gamma Thể tích mồi: 95mL TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure ≥ 278 ml/min Creatinine ≥ 259 ml/min Phosphate ≥ 241 ml/min Vitamin B12: 180 ml/min			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
400	Quả lọc thận diện tích 1,7 m^2, loại Middleflux 17 hoặc tương đương	Cái	1,000	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không Bisphenol-A(BPA), không DEHP. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Diện tích: 1.7 m2. Hệ số siêu lọc: KUF ≥ 22 (mL/giờ/mmHg). Tiệt trùng: Tia Gamma Thể tích mồi: 108mL. TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure ≥ 270 ml/min Creatinine ≥ 251 ml/min Phosphate ≥ 221 ml/min Vitamin B12: 143 ml/min			
Lô 44: Quả lọc hấp phụ							
401	Quả hấp phụ máu HA130	Quả	400	"Vật liệu hấp phụ (hạt Resin): Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer); Mục tiêu hấp phụ: Độc tố ure trọng lượng phân tử trung bình và độc tố urê gắn với protein; Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC); Thể tích chất hấp phụ: 130ml; Thể tích mồi máu: 114ml; Tốc độ máu tối đa: 450ml/phút; Dải hấp phụ: 5-30kDa; Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N; Phương thức khử trùng: chiếu xạ (bức xạ tia Gamma); Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; B2-MG: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%. Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC hoặc tương đương Có 2 chứng nhận lưu hành tự do nước tham chiếu: Đức, Tây Ban Nha."			
402	Quả hấp thụ máu HA230	Quả	300	"Vật liệu hấp phụ (hạt Resin): Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer); Mục tiêu hấp phụ: ứng dụng điều trị Ngộ độc quá liều thuốc; độc tố sinh học: Nọc ong, nấm độc, mật cá, nọc rắn, bò cạp...; thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ; các chất độc công nghiệp. Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) Thể tích chất hấp phụ: 230ml Thể tích mồi máu: 145ml Tốc độ máu tối đa: 350ml/phút. Dải hấp phụ: 500Da-10kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ (bức xạ tia Gamma) Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: Antipsychotic: 87.9%; Dichlorvos: 51.5%; Pentobarbital: 92.9%; Paraquat: 80.4% Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC hoặc tương đương Có 2 chứng nhận lưu hành tự do nước tham chiếu: Đức, Tây Ban Nha."			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
403	Quả hấp phụ máu HA330	Quả	200	"Vật liệu hấp phụ (hạt Resin): Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer); Mục tiêu hấp phụ: cytokines, nội độc tố, TNF. Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) Thể tích nhựa hấp phụ: 330ml Thể tích mồi máu: 170ml Tốc độ máu tối đa: 700 mL/phút Dải hấp phụ: 10-60 kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ (bức xạ tia Gamma) Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ Endotoxin: 36.7% ~ 52.5%; TNF: 31.1%~71.2%; IL-1β: 35% Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC hoặc tương đương Có 2 chứng nhận lưu hành tự do nước tham chiếu: Đức, Tây Ban Nha."			
404	Quả hấp phụ máu HA280	Quả	400	"Vật liệu hấp phụ (hạt Resin): Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer); Mục tiêu hấp phụ: chất tự miễn, chất trung gian gây viêm. Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) Thể tích chất hấp phụ: 280ml Thể tích khoang máu: 155ml Tốc độ máu tối đa: 450 mL/phút Dải hấp phụ: 15-100kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ (bức xạ tia Gamma) Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: IL-6: 21.8%~31.5%; TNF-α: 44.2%, IgA: 48.3%, IgG: 53.6%; Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC hoặc tương đương Có 2 chứng nhận lưu hành tự do nước tham chiếu: Đức, Tây Ban Nha."			
405	Quả hấp thụ HA330-II	Quả	200	"Vật liệu hấp phụ (hạt Resin): Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer); Mục tiêu hấp phụ: các chất trung gian gây viêm, độc tố, bilirubin,v.v. trong viêm gan do thuốc, suy gan, và các biến chứng do bệnh não gan. Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) Thể tích nhựa hấp phụ: 330ml Thể tích mồi máu: 170ml Tốc độ máu tối đa: 700 mL/phút Dải hấp phụ: 20-200 kDa Độ chịu lực của hạt hấp phụ 8,1N Phương thức khử trùng: chiếu xạ (bức xạ tia Gamma) Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ Bilirubin: 16%; Bile Acid: 45%; Ammonia: 30.5%~60%; Endotoxin: 37.7%~56.3% Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC; Có 2 chứng nhận lưu hành tự do nước tham chiếu: Đức, Tây Ban Nha."			

Lô 45: Vật tư thận nhân tạo

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
406	Bộ kim AVF 16G, 17G	Kim	30,000	"- Kim 16, 17G x 1"" (25mm) - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; Kim 17G ID: 1,27 mm, OD: 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, tổng trọng lượng kim 17G: 7.67 ± 2.0g - Sản xuất từ chất liệu PVC không chứa DEHP - Có cánh bướm xoay được quanh kim, có back-eye. - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương			
407	Bộ dây lọc thận	Bộ	10,000	"- Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, phin lọc khí (tranducer protector) - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 350mm hoặc 420mm - Sản xuất từ chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bầu nhỏ giọt đường kính 20mm hoặc 22mm, có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T) - Tổng chiều dài dây động mạch: 3500 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3200 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 147g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 136g ± 5%; hoặc Tổng chiều dài dây động mạch: 3600 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3300 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 166g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 153g ± 5% - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương			
408	Kim chạy thận nhân tạo AVF NEEDLE 16G x 1"	Cái	9,000	"- Kim 16 x 1"" (25mm) - Đường kính kim 16G ID: 1,45 mm, OD: 1,65 mm; - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 ± 10mm, tổng lượng kim 16G: 7.43 ± 2.0g, - Sản xuất từ chất liệu PVC không chứa DEHP - Có cánh bướm xoay được quanh kim, có back-eye. - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương			
409	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh thẳng, cong cỡ 12Fr/14Fr/ dài 15-20 cm	Bộ	800	"- Cỡ 12FR dài 15-20 cm - Chất liệu Polyurethane - Dây dẫn chữ J có đánh dấu dài 70cm, làm bằng hợp kim Nitinol - Kim hình chữ Y 18G (1,25 mm x 7,0 cm) - Bơm tiêm 5cc - Que nong 2 cái: 10Fr (3,3 mm x 11 cm), 12 Fr (4,0 mm x 14 cm) - Dao mổ # 11 - Nắp ống tiêm: 2 cái - Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC hoặc tương đương			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
410	Bộ dây dẫn dịch thay thế trong chạy thận nhân tạo HDF-O	Bộ	500	"Kim (AVF canula) - Kim: thép không gỉ SUS 304 tiêu chuẩn y tế - Chiều dài kim: 25mm - Đường kính trong kim: 1,45mm - Đường kính ngoài kim: 1,60mm - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, mặt sau có khe mắt - Thành kim siêu mỏng (bề dầy thành kim ≤0.075mm) phủ silicone, giúp giảm lực xuyên kim. - Tốc độ dòng chảy tốt hơn: ≥230ml/min *Dây gắn với kim (AVF Tube) - Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không chứa PYROGENIC và không LATEX - Chiều dài dây nối: 300mm - Đường kính trong dây: 3,5mm - Đường kính ngoài dây: 5,5mm -*Cánh bướm xoay màu xanh lá. Trên cánh có gờ chống trượt anti-slip và cỡ kim in nổi (hàng mẫu) - Tiệt trùng Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC"			
411	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Bộ	500	"- Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, phin lọc khí (tranducer protector) - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 350mm hoặc 420mm - Sản xuất từ chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP - Bầu nhỏ giọt đường kính 20mm hoặc 22mm, có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T) - Tổng chiều dài dây động mạch: 3500 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3200 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 147g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 136g ± 5%; hoặc Tổng chiều dài dây động mạch: 3600 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 3300 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 166g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 153g ± 5% - Tiệt trùng bằng khí EO - Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC hoặc tương đương			
412	Dung dịch rửa màng lọc (5kg/can)	Can 5 kg	10	"-Thành phần: + Hydrogen Peroxide 26.53% + Acetic Acid 7.83% + Peracetic Acid 5.00% - Chỉ định: Dùng để rửa và khử trùng quả lọc thận nhân tạo. Có thể sử dụng để rửa và khử trùng quả lọc bằng tay hoặc bằng máy rửa quả lọc tự động (hoặc bán tự động) với điều kiện các loại máy này có thể sử dụng với axit peracetic. - TCCL: ISO 9001 hoặc tương đương			
413	Catheter 2 nòng HF 12/15 cho thận nhân tạo	Cái	20	"- Cỡ 12FR dài 15-20 cm - Chất liệu Polyurethane - Dây dẫn chữ J có đánh dấu dài 70cm, làm bằng hợp kim Nitinol - Kim hình chữ Y 18G (1,25 mm x 7,0 cm) - Bơm tiêm 5cc - Que nong 2 cái: 10Fr (3,3 mm x 11 cm), 12 Fr (4,0 mm x 14 cm) - Dao mổ # 11 - Nắp ống tiêm: 2 cái - Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC hoặc tương đương			
414	Dung dịch thẩm phân màng bụng 1,5% Dextrose x 5 L	Túi	50	Mỗi 100 ml dung dịch chứa: Calci chloride 18,3mg, Dextrose hydrous 1,5g, Magie chloride 5.08mg, Natri chlorjde 538mg, Natri lactate 448mg			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
415	Dung dịch thẩm phân màng bụng 2,5% Dextrose x 5L	Túi	50	Mỗi 100 ml dung dịch chứa: Calci chloride 18,3mg, Dextrose hydrous 2,5g, Magie chloride 5,08mg, Natri chloride 538mg, Natri lactate 448mg			
416	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Cái	30	Đầu nối ống thông dùng trong thẩm phân phúc mạc, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông Chất liệu bằng Titanium Vô trùng không gây dị ứng. Tiệt trùng bằng ethylene oxide Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương			
417	Catheter(Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm	Cái	30	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm được làm bằng cao su silicone trong mờ có chứa một dải cản quang Tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương			
418	Catheter(Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 31cm	Cái	30	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu thẳng dài 31cm được làm bằng cao su silicone trong mờ có chứa một dải cản quang Tiêu chuẩn ISO			
419	Bộ chuyển tiếp (Transfer set)	Cái	400	Bộ chuyển tiếp (transfer set) sử dụng kéo dài trong lọc màng bụng, Minicap với kẹp xoắn bao gồm một đầu nối khóa cái (Female)/ bộ kẹp on- off , ống và một đầu nối khóa male Luer có niêm phong kép. Dụng cụ này được kết nối với đầu nối Titan: Đầu nối ống thông dùng trong ống thông lọc màng bụng. Sản phẩm vô trùng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylen oxit Tiêu chuẩn ISO			
420	Kẹp xanh	Cái	360	Kẹp dùng để hỗ trợ cho việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi Dung dịch lọc màng bụng. Kích thước: 9,6cm x 13cm Vật liệu: nhựa acetal Thiết bị được đóng gói dưới dạng vô trùng: Không Tiêu chuẩn ISO/CE			
421	Kẹp Catheter	Cái	360	Dùng để kẹp catheter lọc màng bụng trong trường hợp catheter bị thủng gây rò rỉ dịch màng bụng hoặc thay bộ chuyển tiếp cho bệnh nhân lọc màng bụng Chất liệu polypropylene Tiệt khuẩn bằng etylen oxide Tiêu chuẩn ISO/CE			
422	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Cái	8,000	Sản phẩm bằng nhựa có chứa Povidon - Iod Thiết bị là nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp Tiêu chuẩn ISO			
423	Bộ kết nối (cassette) máy thẩm phân phúc mạc tự động (homechoice) người lớn	Cái	100	"Bộ dây dẫn dịch dùng với máy HomeChoice, dùng cho người lớn. Đường dẫn dịch lọc vô trùng. Vô trùng bằng khí etylen oxit ISO 13485 hoặc tương đương			
424	Túi đựng dịch xả	Cái	50	Sản phẩm này được sử dụng kết nối với bộ cassette lọc màng bụng (hay còn gọi là thẩm phân phúc mạc) tự động. Túi này được dùng để thu thập dịch thải ra trong điều trị lọc màng bụng (hay còn gọi là thẩm phân phúc mạc) tự động. Viết tắt là APD. Được tiệt trùng bằng ethylene oxide. Cất giữ ở nhiệt độ phòng Tiêu chuẩn ISO			
425	Bộ chuyển tiếp (Minicap Extended Life PD Transfer Set with Twist Clamp)	Cái	50	"Bộ chuyển tiếp (transfer set) sử dụng kéo dài trong lọc màng bụng, Minicap với kẹp xoắn bao gồm một đầu nối khóa cái (Female)/ bộ kẹp on- off , ống và một đầu nối khóa male Luer có niêm phong kép. Dụng cụ này được kết nối với đầu nối Titan: Đầu nối ống thông dùng trong ống thông lọc màng bụng. Sản phẩm vô trùng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylen oxit Tiêu chuẩn ISO"			

Stt	Danh mục vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Xuất xứ	Ghi chú
426	Bộ dây chạy thận nhân tạo Blood tubing set	Cái	500	Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex, chất liệu mềm mại, không dính máu, có thể tái sử dụng nhiều lần. Thể tích mồi: 136ml. Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 8.0 x 12.0 x 230 mm. Có chứng chỉ chứng nhận vật liệu dùng trong y tế (Bisphenol A free), ISO 13485:2016, EC hoặc tương đương			
427	Bộ dây chạy thận nhân tạo Blood tubing set	Cái	500	Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex, chất liệu mềm mại, không dính máu, có thể tái sử dụng nhiều lần. Thể tích mồi: 16ml. Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 6.35 x 9.75 x 236 mm. Có chứng chỉ chứng nhận vật liệu dùng trong y tế (Bisphenol A free), ISO 13485:2016, EC hoặc tương đương			